

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH

---



**Tiền Kiếp THÁNH PETER**  
**Hậu Kiếp KHAI PHÁP TRẦN DUY NGHĨA**

TÙNG THIÊN—TỪ BẠCH HẠC



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2014  
hai • không • một • bốn

---

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của DAOCAODAI.INFO. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *Tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn soạn giả TÙNG THIÊN – TỬ BẠCH HẠC, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 26/12/2014

Tâm Nguyên



TIỀN KIẾP THÁNH PETER  
HẬU KIẾP KHAI PHÁP TRẦN DUY NGHĨA

TÙNG THIÊN — TỬ BẠCH HẠC

*Kính Dâng*

– Thánh Tông Đồ Peter (Pierre)

– Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa



---

---

# MỤC LỤC

## PHẦN I

### **KHÁI NIỆM VỀ TIỀN KIẾP & HẬU KIẾP..... 7**

## PHẦN II

### **THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP CỦA THÁNH PETER (PIERRE) ..... 15**

- TIẾT 1: TIỂU SỬ THÁNH PETER (PIERRE / PHÊRÔ).....16
- TIẾT 2: TÁNH ĐỨC .....17
- TIẾT 3: CÔNG NGHIỆP.....21
- TIẾT 4: TỬ VÌ ĐẠO.....28

## PHẦN III

### **THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP KHAI PHÁP TRẦN DUY NGHĨA ..... 31**

- TIẾT 1: TIỂU SỬ KHAI PHÁP TRẦN DUY NGHĨA  
(1888–1954)..... 32
- TIẾT 2: CÔNG NGHIỆP..... 35
- TIẾT 3: NHIỆM VỤ KHAI PHÁP..... 38
- TIẾT 4: NGÀI KHAI PHÁP GIÁNG CỜ .....40
- TIẾT 5: ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC TUYÊN  
DƯƠNG CÔNG NGHIỆP VÀ CHO BIẾT TIỀN KIẾP .....46
- TIẾT 6: LỄ KỶ NIỆM & SỞ DÂNG CÚNG..... 51

### **PHỤ LỤC 1..... 55**

- HUYỀN BÍ TUỔI CỦA THẬP NHỊ THỜI QUÂN ..... 55

### **PHỤ LỤC 2 ..... 59**

- GIẢI THÍCH VỀ CHÈO THUYỀN BÁT NHẢ..... 59



---

## PHẦN I

### KHÁI NIỆM VỀ TIỀN KIẾP & HẬU KIẾP

**H**ỘT TRONG NHỮNG VẤN ĐỀ HUYỀN BÍ NHẤT của giới khoa học: đó là luân hồi và tái sinh. Giáo lý của các tôn giáo lớn như Bà la môn, Ấn giáo, Phật giáo, Công giáo, Cao Đài... đều nói về Luân Hồi như một giáo điều căn bản. Từ “*luân hồi*” trong Phạn ngữ là **Samsàra**, trong Anh ngữ là **Reincarnation**. Một từ ngữ khác thường được dùng đồng nghĩa với Luân Hồi đó là từ ngữ Chuyển Kiếp.

Theo thuyết này, một linh hồn sẽ có nhiều thể xác. Thể xác được xem như một cái áo không hơn không kém, chỉ khác rằng, nếu cái áo bình thường thì con người có thể thay ra mặc lại, còn cái áo cao cấp này muốn cởi ra phải đợi đến cuối đời (nghĩa là chết đi). Thuyết Luân Hồi khẳng định rằng có tồn tại một Nguyên thể sống động ngự trong thể xác con người làm cho nó linh hoạt và khi cơ thể ấy chết đi thì nó chuyển sang một cơ thể khác sau một thời gian dài hoặc ngắn. Như vậy các kiếp sống liên

tiếp trong cơ thể được nối liền với nhau giống như những viên ngọc được xỏ vào một sợi chỉ, sợi chỉ này là Nguyên thể sống động còn các viên ngọc trên đó là những kiếp người riêng rẽ. Khi Ky Tô giáo lần đầu tiên được truyền bá ở Âu châu thì tư tưởng nội môn của các vị lãnh đạo đã thấm đượm sự thật này. Hiện tượng tái sinh (born again) được thấy rõ trong một số đoạn của kinh thánh. Điển hình nhất là sự phục sinh của Chúa và những người chết sẽ sống lại. Trường hợp sự tái sinh của Thánh Jean Baptiste đã được Chúa cho các môn đồ biết qua câu: **“Ellie đã trở lại!”** (Mathieu 17:12 – 13). Người Tây Tạng cũng tin rằng, vì Phật Sống Lạt Ma của họ khi qua đời sẽ lại tái sinh để chăn dắt và che chở cho dân tộc họ. Những người Da đỏ Bắc Mỹ Châu tin rằng vị Tù Trưởng bộ lạc đôi khi chọn sự đầu thai trở lại để giúp đỡ những người trong thị tộc. Cách đây mấy ngàn năm, bộ sách tử thư của Tây Tạng và Ai Cập thường nhắc đến sự tái sinh: **“Có những người, khi chết họ cảm thấy chưa làm xong bốn phận nên quyết tâm đầu thai lại, thường những vị đó được gọi là Thánh, là Bồ tát. Phải chăng các vị đó đã hy sinh cuộc đời mình để rao giảng Tình thương, công bằng bác ái vị tha,... nhưng cảm thấy chưa hoàn tất ý nguyện nên quyết tâm trở lại cõi trần lần nữa...”**

Mỗi con người trước khi trở thành toàn hảo, hoàn thiện để vào cảnh giới an lạc phải trải qua nhiều kiếp chuyển hóa tái sinh. Thời gian trải qua do sự đầu thai ở mỗi linh hồn thường khác biệt nhau, trung bình một linh hồn sẽ đầu thai khoảng sau 100 đến 300 năm. Giữa thời gian này, mỗi linh hồn sẽ nhìn lại kiếp sống đã qua và từ đó sẽ chọn lựa một cách lý tưởng cho cuộc tái sinh



---

kế tiếp. Theo lời dạy của các chân sư về luân hồi và tái sinh sau khi chết: kiếp sống hiện nay của mỗi con người chúng ta tùy thuộc nhiều kiếp sống trước đây (tiền kiếp) nhưng chính từ kiếp sống hiện tại sẽ đặt nền tảng và tiền đề cho kiếp sống ở tương lai (hậu kiếp). Còn trong các tôn giáo thì dạy rất rõ về LUẬT LUÂN HỒI & NHÂN QUẢ. Trong PHÁP CHÁNH TRUYỀN của tôn giáo Cao Đài có giảng rõ vì sao phải có luật Luân hồi & Nhân quả:

*“Chịu dưới quyền Thiêng Liêng của Tạo Hóa, sanh sanh tử tử, luật lệ ấy vốn nơi Trời, số số căn căn Thiên Điều đã định; người chi đặng có một quyền tự lập, là mình làm chủ lấy mình, luân luân chuyển chuyển, giới cho đẹp đẽ Thánh Đức căn sanh, đặng lên tột phẩm vị Thiêng Liêng mới nhập vào cửa vô vi đồng thể cùng Trời Đất. Quyền tự chủ ấy, vẫn đã định trước làm cho cả nhơn sanh vui theo cơ Tấn Hóa, thì dầu cho Thấy cũng không cái qua đặng; vì hễ sửa cái thì là mất lẽ công bình Thiêng Liêng đã định, làm chình nghiêng cơ thường phạt. Hễ có công thường tội trừng thì phải để rộng quyền cho người tự chủ.*

*Thiên cơ đã lập có Địa Ngục với Thiên Đàng, ấy cảnh thăng cảnh đọa. Địa Ngục dành để cho kẻ bạo tàn, Thiên Đàng cho người đạo đức, thì cân công bình Thiêng Liêng đã sẵn. Ấy vậy chẳng buộc ai vào Địa Ngục, mà cũng chẳng nâng đỡ ai đến Thiên Đàng. Đòi đường hiển hiện, tự quyền người lựa chọn, siêu đọa tại nơi mình, các Đấng Thiêng Liêng duy có thương mà chỉ dẫn.*

***Thấy đến, nếu dùng cả quyền Thiêng Liêng làm cho chúng sanh thấy đặng đủ đức tin, theo đường siêu mà bỏ nẻo đọa, thì cả nhơn loại ắt xu hướng vào đường đạo đức, thì là Thấy nâng đỡ các chơn hồn vào Thiên***

*Đàng, không cho vào Địa Ngục, thì sự công bình Thiêng Liêng bởi nơi nào bên vũng. Thường phạt ra bất minh, ắt phải truất bỏ cơ luân hồi chuyển kiếp.*

*...Luân hồi chuyển kiếp là cơ mẫu nhiệm để cho các chơn hồn đặng cứu chuộc và tấn hóa, nếu truất bỏ cơ mẫu nhiệm ấy đi, thì Đạo nơi nào mà bên chặt? Nhon loại có hóa nhân, qui nhân và nguyên nhân, ấy là có phân đẳng cấp; nếu Thấy dùng huyền diệu Thiêng Liêng mà làm cho nhơn loại cả thấy đều thấy đặng cơ mẫu nhiệm của Đạo, đồng đặng đắc kiếp, thì phẩm vị Thiêng Liêng cũng không còn trật tự.”*

Trong quyển ‘*The Book of True Life* BTL, có những đoạn giảng như sau:

– Ta nói cùng con, một kiếp người thì không đủ để hiểu dù chỉ một bài học của Ta, và để con hiểu cuốn sách mà cuộc đời chứa đựng, cần phải có nhiều kiếp sống. Do đó xác thân chỉ được dùng như là cái nặng cho linh hồn trên đường của nó dưới trần. (Tr113).

– Đây là lúc Ta đến để nói với con rõ ràng là việc tái sinh của linh hồn có thật, rằng chuyện là vậy từ lúc khởi thủy của con người, như ánh sáng của chân lý và tình thương thiêng liêng mà nếu không có, con sẽ không thể tiến bước trên con đường dài của sự toàn thiện tinh thần. (Tr151)

– Ta nói cùng con, đời sống trên trần là một nửa trên chiếc thang của sự sống. Tại sao con không hiểu theo cách ấy để sử dụng trọn hết những bài học của mình? Ấy là lý do vì sao nhiều người phải quay lại trần lần này rồi lần nữa, vì họ không hiểu hay không

---

**biết dùng kiếp vừa qua.** (Tr 254).

– Ta nói cùng con, nhân loại cần biết là linh hồn của họ đã xuống thế gian nhiều lần, mà họ vẫn chưa thể tiến lên theo con đường có luật Trời để tới đỉnh núi. (Tr 267).

– **Tái sinh là việc trở lại thế giới vật chất để sinh làm người lần nữa, là sự chỗi dậy của tinh thần trong xác thân con người để tiếp tục một công việc. Đó là sự thật về việc phục sinh của xác thân mà tin đồ khi xưa nói đến, và sau, bị diễn giải sai lạc tới độ vô lý kỳ quặc.** Tái sinh là món quà mà Thượng đế ban cho linh hồn con, hầu cho nó không hề bị giới hạn bởi sự nhỏ nhoi của hình hài vật chất, hay bởi kiếp sống phù du trên trần, hay bởi sự yếu đuối tự nhiên của nó; mà đúng ra là bởi **linh hồn vốn có bản chất cao hơn, nó có thể dùng bao nhiêu hình hài vật chất mà nó cần để thực hiện phần việc lớn lao của mình dưới thế... tiếp tục sống còn từ thân xác này sang xác thân kế, qua vô số hình hài được giao cho nó, chiến thắng thời gian, trở ngại và bao cám dỗ.**

Làm sao con lại có thể tin rằng vào ngày phán xét cuối cùng, thân xác của kẻ chết sẽ chỗi dậy và đoàn tụ với linh hồn của chúng để bước vào cõi Trời? Làm sao con lại có thể diễn giải theo cách ấy những điều đã được dạy khi trước? Xác thân thuộc về thế giới này và nó nằm ở đây, còn tinh thần chỗi dậy tự do và trở về cõi hiện hữu mà từ đó nó được sinh ra. Điều gì sinh ra bởi xác thịt thì là xác thịt, còn điều gì sinh ra bởi tinh thần của Ta thì là tinh thần. Sự chỗi dậy của xác thân là sự tái sinh của linh hồn. Ta nói cùng con, ai không sử dụng bài học chúa đựng trong kiếp hiện sinh thuộc thế giới này, cõi trần đầy thử thách, sẽ phải trở lại để hoàn tất việc làm của mình,

và trên hết thấy, để học hỏi. (Trang 268).

– Tái sinh là cơ hội mà Thượng đế, theo công lý đầy tình thương, để cho linh hồn theo đó có thể sử dụng kinh nghiệm học được trong hành trình của nó.

Vậy con sẽ hiểu rằng một kiếp trên trần vì quá ngắn so với đời sống tinh thần, không thể là yếu tố quyết định cho sự vô tận của linh hồn. Nói khác đi, nó không đủ cho bất cứ ai trong các con có được sự toàn thiện để tới cõi trời mà con gọi là cảnh thiên đàng; cũng y vậy, lỗi lầm trong một kiếp dưới thế thì không đủ để xác định là linh hồn phải đọa chốn tối tăm, hay phải chịu hành hạ đờn đau mãi mãi... Luật tái sinh của linh hồn là một trong những luật của lòng từ và công lý, cho con người khoảng rộng lớn hơn, có mọi cơ hội cần thiết để đạt tới sự toàn thiện.

**Chỉ những ai đã tinh luyện mình nhờ tình thương, tuân theo luật Trời, mới ngừng không tái sinh trên địa cầu.** Những ai trong kiếp vừa qua còn để lại một vết máu hay chuyện không lành, sẽ phải quay về trần gian để sửa lỗi, tu bổ lại điều đã hủy hoại, mang sự sống cho vật mất sức sống mà họ bỏ lại trong đời trước, và tha thứ. Nói ngắn gọn là bồi hoàn, tu chính (restitution). (Humanity, trang 22)

– Con chỉ cần biết rằng sự tái sinh của linh hồn là điều thật, để cho ánh sáng được khơi tỏ trong tâm, và cho con cảm nhận nhiều hơn sự công bằng từ ái. Hãy so sánh các lý thuyết và lời diễn giải khác nhau mà những tôn giáo đưa ra về chỉ dạy này, và đi theo lời nào chứa đựng sự công bằng lớn hơn và có lý lẽ vững mạnh hơn. Ta nói thật cùng con, đây là một trong những khái thị sẽ ảnh hưởng tinh thần con người ở thời đại này, do có trực giác khơi dạy về

---

chân lý lớn lao ấy. Con sẽ xác nhận rằng **luật tái sinh của linh hồn là một trong những chân lý vĩ đại mà nhân loại phải biết và tin vào. Các con đã tới một trình độ tiến hóa để có thể hiểu được Ta bằng bản chất thiêng liêng của Ta và cảm được Ta như là Tinh Thần. Sự tiến hóa và tái sinh của linh hồn đã chuẩn bị cho các con tiếp nhận bài học mới của Ta.**



---

**PHẦN II**  
**THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP CỦA THÁNH PETER (PIERRE)**

- TIẾT 1. TIỂU SỬ THÁNH PETER (PHÊRÔ)**
- TIẾT 2. TÁNH ĐỨC**
- TIẾT 3. CÔNG NGHIỆP**
- TIẾT 4. TỬ VÌ ĐẠO**



Thánh PETER (PIERRE) cầm chìa  
khóa mở cửa vào Thiên đàng.

## **TIẾT 1: TIỂU SỬ THÁNH PETER (PIERRE / PHÊRÔ)**

**TÊN KHAI SINH** của ông là **Shimon**, hay Simeon, Simon (tiếng Anh) và Si-mon (tiếng Việt).

**TÊN THƯỜNG GỌI: Peter.** Đức Jesus đặt cho ông tên **Simon Cephas**. CEPHAS trong tiếng Aramaic, hay **Kepha** (tiếng Hebrew: כִּפָּא, cả *Cephas* và *Kepha* đều mang nghĩa là “đá”), còn trong Tiếng Hy Lạp: *Pétros*, tiếng La Tinh là “*Petrus*”, cũng có nghĩa là “đá”. Tên ông trong tiếng Anh và tiếng Đức là «*Peter*», tiếng Pháp là «*Pierre*», tiếng Ý là «*Pietro*», tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha là «*Pedro*», tiếng Ba Lan và tiếng Nga là «*Piotr*» (Piốt); tiếng Việt là Phêrô.

**NĂM SINH:** khoảng năm 1 TCN

**NƠI SINH:** Ông sinh tại Bethsaida, một thị trấn nhỏ thuộc miền Galilee, Gaulanitis, Syria, Roman Empire

**CHA MẸ:** cha tên Jonah hay Jona

**ANH EM:** em là Andrew, tông đồ đầu tiên của đức Jesus.

**VỢ CON:** Simon Peter đã lập gia đình, có những đứa con, vợ của ông đã chịu đau khổ và chịu tử vì đạo.

**NGHỀ NGHIỆP:** đánh cá; sau theo đức Jesus và trở thành người lãnh đạo của nhóm 12 tông đồ.

Ngài cũng được xem là **GIÁO HOÀNG ĐẦU TIÊN CỦA KỶ TÔ GIÁO (30– 64)**

**MẤT NĂM:** có tư liệu nói ngài mất vào năm 64 SCN tại Rome, ba tháng sau trận hỏa hoạn lớn của Rome; có tư liệu nói năm 67 SCN vì bị giam gần 1 năm mới bị đóng đinh. Xác được chôn cất tại đồi Vatican, Rome, Italia,



Roman Empire. Hưởng thọ khoảng 65–67 tuổi

### VỊ TRÍ TRONG 12 TÔNG ĐỒ

Peter là tên được nhắc đầu tiên khi nói đến 12 vị tông đồ. Peter là tông đồ trưởng trong số mười hai Tông đồ của Chúa Jesus. Peter, James the Great, và John là ba đệ tử thân cận nhất của đức Jesus. Sau đây là tên của 12 tông đồ đầu tiên:

1. Simon (Peter)
2. James, con của Zebedee
3. John, em của James
4. Andrew
5. Philip
6. Bartholomew
7. Matthew
8. Thomas
9. James, con của Alphaeus
10. Simon the Zealot
11. Thaddaeus (còn được gọi là Judas con của James)
12. Judas Iscariot

Trong số 12 tông đồ đó, Andrew là em của Simon. Andrew trước theo thánh John the Baptist, sau theo đức Jesus và trở thành đệ tử đầu tiên của Ngài. Hai anh em Simon và Andrew làm nghề đánh cá ở Capharnaum bên cạnh hồ Galilee. Qua sự giới thiệu của Andrew, Simon đến gặp ĐỨC JESUS và được Người đặt tên lại.

### **TIẾT 2: TÁNH ĐỨC**

Simon Caipha hay Peter, xuất thân từ miền Galilê,

làm nghề đánh cá, đã có gia đình. Simon Peter và em là Andrew theo Do Thái giáo (Jews). Tất cả mọi sinh hoạt đều bình thường cho đến ngày được Đức Jesus Nazareth nhận làm đệ tử. Peter dáng người thon nhỏ, cao, da trắng, râu rậm, quăn. Lòng mày nâu, thưa mỏng. Tính tình Peter bộc trực, thẳng thắn. Tư gia của Peter là nơi dừng chân của đức Jesus và các tông đồ, đồng thời trở thành nơi thờ phượng chung và được nói rộng đủ chỗ cho 500 dân làng tụ họp. Nói về ngài, người ta không thể không nhắc đến vết đen trong cuộc đời của ngài. Đó là việc ngài đã chối Chúa.

### – YẾU LÒNG: CHỐI CHÚA BA LẦN

Vườn Gethsemani hay Vườn Cây Dầu, là một vườn dưới chân núi Olives ở Jerusalem, nổi tiếng vì là nơi Chúa Jesus và các tông đồ đã cầu nguyện trong đêm trước khi Ngài bị bắt đem đi đóng đinh vào thập giá. Peter tính bộc trực và muốn thể hiện lòng trung thành nên chém đứt tai của Mancô (Malchus) khi tên này đến bắt đức Jesus, nhưng cuối cùng cũng bỏ chạy với những người khác.

Trong cuộc tử nạn của Đức JESUS, mặc dù Peter đã cam đoan sẽ sống chết với Thầy, nhưng ông đã chối mối quan hệ giữa ông và Thầy đến ba lần (Mc 14, 66–72). Theo các tác giả Phúc âm, ba lần ông chối Thầy đã được Đức JESUS tiên báo: *“Thầy bảo thật anh, nội đêm nay, gà chưa kịp gáy, thì anh đã chối Thầy ba lần”* (Mt 26: 30–35). Với một người có lòng mến Thầy sắt son nhưng nóng tính như Peter, chuyện chối Chúa là một câu chuyện khó tin, không thể nào xảy ra được. Bởi thế Peter phản ứng ngay: *Dù có phải chết với Thầy, con cũng sẽ không chối Thầy.*

Cuối cùng ngay trong Vườn Cây Dầu, tất cả các môn đệ kể cả Peter đều bỏ trốn khi Đức Jesus bị bắt. Nhưng

khi Đức Jesus đang bị luận án trước Tòa Công Nghị của người Do Thái, Peter quay lại. Chuyện kể lại: Một người đầy tớ của thầy Thượng Phẩm thấy Peter đang sưởi ấm trong sân của tòa án. Cô ta nhìn ông chòng chọc mà nói: *Cả ông nữa, ông cũng đã từng ở với Jesus thành Nazareth.* Peter chối ngay: *“Này chị, tôi không biết người ấy! Tôi không biết chị muốn nói gì. Tôi không biết chị là ai!”*. Nói xong, ông đứng dậy và rời khỏi đó vì không muốn bị nhận diện thêm nữa. Ngay lúc đó gà gáy lần thứ nhất. Một lần nữa, thấy Peter lảng vảng bên ngoài sân tòa án, một cô cất giọng tố Peter với những người đang hiện diện: *Tên này cũng thuộc về bọn chúng bởi vì ông là người xứ Galilê.* Một lần nữa Peter lại chối. Peter lẩn tránh sự dò xét ấy và đi ra ngoài; khi ấy một người em của Mankô bước đến gần ông và nói, *“Này ông! Có phải tôi thấy ông ở với người ấy trong vườn Cây Dầu không? Có phải ông gây thương tích cho tai của anh tôi không?”*. Vì sợ hãi ông Phêrô không tự chủ được nữa. Một khoảng thời gian nặng nề chậm chạp trôi qua, một người khác trong đám đông lại cất tiếng: *Đúng là ông thuộc về bọn chúng rồi.* Lần này, Peter thề: *Tôi thề là tôi không biết chi về người mà các ông đang nói.* Gà lại gáy lần thứ hai. Đúng lúc đó, Đức Jesus bị dẫn đi từ căn phòng tròn ngang qua sân để xuống xà lim ở hầm bên dưới. Người quay đầu về Peter và đưa mắt nhìn ông vừa buồn vừa thương hại. Bàng hoàng sợ hãi, ông nhớ lại lời Ngài: *“Trước khi gà gáy hai lần, con sẽ chối Thấy ba lần!”* Trong cái nhìn của Chúa, ông thấy mình ngập tràn tội lỗi và tan nát tâm hồn vì đã phạm tội với Đấng Cứu Thế!

Tuy nhiên, bên cạnh những cái không tốt đó, chúng ta lại thấy nơi Ngài có nhiều đức tính khác. Chính những

đức tính sáng chói này đã làm lu mờ đi những cái tầm thường nơi con người của ngài, để rồi qua đó ngài đã xứng đáng được đức Jesus chọn làm người dẫn dắt đoàn chiến của Ngài. Những đức tính ngài có là:

– Tính TỪ BỎ DỨT KHOÁT: mau chóng từ bỏ gia đình và sản nghiệp, bỏ tất cả mọi sự mà theo Thầy mình. Chính do đức tin vững chắc mà ông đã được đức Jesus đặt cho tên CEPHAS trong tiếng Syriac có nghĩa là đá (a rock) và dịch sang tiếng Hy Lạp là PETER.

– NGƯỜI ĐẦU TIÊN KHẲNG ĐỊNH JESUS CHRIST LÀ Đấng CỨU THẾ: Khi đức Jesus hỏi: *Người nói Ta là ai? (Who do you say that I am?)*, Simon Peter trả lời ngay trong khi những người khác còn do dự: *Thầy là Thiên sứ, Con của Thiên Chúa Hằng Sống. (You are the Messiah, the Son of the living God)*

– Tính KHIÊM TỐN: ông đã đến quì trước mặt Chúa và thưa với Người: *“Lạy Thầy, xin tránh xa con ra vì con là một người tội lỗi”*. Ông đã ý thức được thân phận hèn mọn của mình trước sự hiện diện của Chúa...

– BIẾT ẪN NẪN, SÁM HỐI LỖI LẦM: sau khi chối Thầy của mình ba lần, lòng ông tràn ngập nỗi thống khổ, ăn năn nên khi nghe tin đức Jesus sống lại, ông đã nhanh chân đến tìm để xin lỗi. Chính vì thế, sau khi Phục sinh, Đức Jesus-Christ cho Peter gặp mặt và nói rõ đã tha thứ cho ông. *“Và Thầy đã cầu nguyện để con khỏi mất đức tin. Và phần con, khi đã trở lại, con hãy làm cho anh em con vững tin.”* (Lc 22,31–32).

Peter học hỏi được ở Đức Jesus tính khoan dung, tha thứ. Ông nhận ra rằng bất chấp những lần ông chối

Ngài, Ngài vẫn cứ yêu thương ông. Ông đã kinh nghiệm về sự yếu đuối của bản thân mình nên ông có được sự thấu hiểu và đồng cảm trước sự yếu đuối của người khác.

– **CAN ĐẮM:** Khi Peter bị bắt và bị tra hỏi vì đã rao giảng nhân danh Đức Giêsu, Peter không chút sợ hãi mà tuyên xưng rằng: **“Phải vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời người phàm”** (Cv 5,29)

Thánh Peter xuất thân từ một gia đình thuyền chài, làm nghề đánh cá, tính tình nóng nảy, cục mịch.. Khi Chúa gặp Phêrô đang trên thuyền để cùng cha mình và Anrê chuẩn bị lưới đánh bắt cá, Chúa gọi ông, và ông đã bỏ mọi sự mà theo Chúa. Con người bộc trực, nhưng lại rất mềm yếu, Peter rất hay khóc và luôn biết dẹp bỏ tự ái nhận khuyết điểm để sửa đổi. Các môn đệ đi theo Chúa, không phải tất cả đều tốt, Chúa biết điều ấy nhưng là Đấng Cứu Thế, Ngài yêu thương tất cả. Peter được ưu tiên, nhưng ông cũng bị đức Jesus trách mắng nặng nhất: **“Satan, lui lại đằng sau Thầy! Anh cản lối Thầy, vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người”** (Mt 16:23).

### **TIẾT 3: CÔNG NGHIỆP**

#### **1. Người xác nhận thiên tính của Đức Jesus:**

Trong khi các người môn đệ khác còn đang lúng túng với câu hỏi về nguồn gốc của Đức Jesus, Peter nhanh miệng trả lời, **“Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống”** (Matt 16:16).

#### **2. Người giữ chìa khóa nước trời – Lãnh đạo của Giáo hội**

Đối với cộng đồng tín hữu Công giáo, bằng chứng quan trọng cho thấy Thánh Peter là lãnh đạo của Giáo hội được tìm thấy trong Kinh Thánh, chương Matthew 16:17–39 và John (Gioan) 21: 15–17. Khi đến vùng kể cận thành Caesarea Philippi, ông là người đã tuyên xưng JESUS là Con Thiên Chúa. Và cũng chính tại đây, ông đã được đức Jesus đặt là người đứng đầu tuyên bố thiên tính của đức Jesus Christ (Chúa Kitô) và làm nền móng cho Giáo hội:

*“Còn Thầy, Thầy bảo cho anh biết: anh là Peter, nghĩa là tảng đá. Trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi. Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời: dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy” (Matthew 16,18,19).*

Peter đã nhận danh các tông đồ khác biểu lộ lòng trung thành với đức JESUS. Nhiều nhóm môn đệ đã bỏ Người mà đi. Đức JESUS (Giêsu) hỏi nhóm mười hai thì Phêrô liền đáp:

*“Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết theo ai? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là đấng Thánh của Thiên Chúa”.*

### **3. Trong cộng đoàn các Kitô hữu đầu tiên, Peter giữ vai trò lãnh đạo.**

Chính ông tiên phong rao giảng Tin mừng và chủ tọa việc bầu một tông đồ thay thế Juda Iscariot (Giuda Iscariôt). JUDA ISCARIOT LÀ AI? Nhóm mười hai môn đệ đầu tiên, hầu hết là dân chài cá hoặc làm ruộng

riêng Judas Iscariot là nhân vật có tài có học, có đầu óc thực tế bén nhạy, Vì thế, Judas là người được chọn làm quản lý chăm lo những nhu cầu thường nhật của Đức Jesus và những người theo Ngài. Vào một chiều thứ năm. Chúa Jesus cùng với 12 môn đệ dự bữa tiệc ly. Gọi là tiệc ly (ly biệt) vì đây là bữa cuối cùng, bữa vượt qua sau hết trong cuộc đời trần thế. Việc sửa soạn bữa ăn lẽ ra là việc của Judas nhưng Đức Jesus đã không sai Judas mà lại sai Peter và John... Đang khi ăn, Chúa nhắc khéo các môn đệ: “*Các con đã sạch nhưng không được sạch cả đầu*”, “*Kẻ ăn bánh của Ta đã trở gót chống nghịch Ta*”. Sau đó Đức Jesus đã nói thẳng: “*Quả thật một trong các người sẽ nộp Ta*”.

Theo Mátthêu 25:14–16, người môn đệ đứng cuối cùng trong danh sách của nhóm 12 đã đến gặp các thầy Thượng Tế thương lượng về giá bán Đức Jesus. Judas được trao cho ba mươi đồng tiền bằng bạc. Chuyện kể rằng Judas đã cho đám lính đi bắt một dấu hiệu: “*Tôi hôn ai thì người đó chính là Jesus*”. Khi trở lại, Judas biết Đức Jesus không còn ở Nhà Tiệc Ly, và đoán Người ở trên núi Cây Dầu để cầu nguyện nên Judas sắp đặt với toán lính là hắn sẽ vào vườn trước, sẽ hôn chào Đức Jesus; sau đó họ sẽ bắt giữ Người. Judas muốn làm như thế việc lính tráng và hắn đến vườn cùng một lúc chỉ là một sự trùng hợp tình cờ. Khi Judas tiến đến Đức Jesus, ôm hôn Người và nói: “*Chào Thầy!*” Đức Jesus nói: “*Judas, người phải bội Con Người với một cái hôn hay sao?*” Ngay lập tức bọn lính vây quanh Đức Jesus, và các cung thủ tiến đến gần đặt tay lên Người. Judas muốn bỏ chạy ngay lập tức, nhưng còn kẹt các Tông Đồ. Các ông xông vào bọn lính, kêu lên: “*Thầy ơi, chúng con dùng gươm tấn công được không?*” Peter

chụp lấy gươm và chém Mankô, tên đầy tớ của Thượng Tế, làm đứt một miếng thịt ở tai hấn. Sự kiện Peter đánh ngã Mankô là một vấn đề khó khăn cho Đức Jesus nên Ngài nói: **«Peter, xỏ gươm vào vỏ, vì ai dùng gươm sẽ chết vì gươm. Con tưởng Thầy không thể xin Cha Thầy sai mười hai đội binh thiên thần đến bảo vệ cho Thầy hay sao? Thầy không dám uống chén đắng Cha Thầy đã trao hay sao? Như vậy làm sao Kinh Thánh có thể hoàn tất trọn vẹn được?»**

Sau đó Đức Jesus nói với họ: *“Các người đem gươm giáo và gây gộc đến bắt ta như bắt một tên sát nhân. Hàng ngày ta giảng dạy giữa các người trong Đền Thờ, và các người không dám động đến ta; nhưng bây giờ là giờ của các người và giờ của tôi tằm.»* Chúng ra lệnh trói Người chặt hơn, và kéo Ngài một cách rất tàn bạo. Chúng kéo Ngài đi trên các con đường gỗ ghề, nhiều đá sỏi, bùn lầy, đá sắc bén và cũng như gai góc. Chúng nghiền rủa, đấm đá và thúc giục Người một cách vô cùng dã man cùng với các lời nhạo báng khinh miệt của họ. Ngài bị mang ra trước Tòa Công Nghị của người Do Thái luận tội. Biết Thầy của mình sẽ bị kết án treo cổ, Juda hối hận. Anh ta quay lại gặp các thầy Thượng Tế và Kỳ Mục, trả lại ba mươi đồng tiền bạc. Người tông đồ thứ mười hai thú nhận: *Tôi đã phạm tội nộp người vô tội. Hãy cầm lấy tiền của các ông đi! Vì nó mà các ông đã khiến tôi giao nộp Đấng Công Chính. Cầm lấy tiền của các ông đi! Hãy thả Đức Jesus ra! Tôi hủy bỏ cam kết. Tôi đã phạm tội nặng nề khi phản bội máu người vô tội!*

Nhưng chuyện mua bán đã xong, Đức Jesus đã bị bắt, các thầy Thượng Tế và Kỳ Mục quyết định không nhận



lại số tiền. Juda quẳng trả lại ba mươi đồng tiền bạc vào Đền Thờ, rồi bỏ đi.

Tất cả các môn đệ theo đức Jesus đều ôm ấp một tham vọng riêng tư kín đáo về chính trị. Đức Jesus đang là một nhân vật tiếng tăm, làm nhiều phép lạ. Dân chúng từng ùn ùn kéo nhau theo Ngài, họ đòi tôn Ngài làm vua, nhất là sau phép lạ năm chiếc bánh và hai con cá. Ai ai cũng tin rằng sớm muộn gì thì đức Jesus sẽ làm một cuộc cách mạng, lật đổ đế quốc La mã, khôi phục một quốc gia Do thái độc lập. Lúc ban đầu, các môn đệ theo đức Jesus vì muốn được chia chác quyền lực về sau, chứ không ai nghĩ đến một ngày kia phải rơi đầu đổ máu làm chứng cho đức Ngài. Hậu quả sự mưu mô tính toán rất con người của Juda tiếc thay đã đem đến thảm kịch mà chính Juda cũng không lường trước được. Có giả thuyết cho rằng, khi bán Thầy mình với giá 30 đồng bạc, Juda làm thế không hẳn vì tiền mà vì lầm tưởng rằng: bao nhiêu phép lạ Ngài còn làm được, cầm điếu què quặt Ngài còn chữa lành, kẻ chết Ngài còn làm cho sống lại chẳng lẽ Ngài không tự cứu nổi bản thân mình? Ngài sẽ làm phép lạ, sẽ lật đổ nhà nước để lên làm vua... Tiếc thay! đường lối tính toán của con người không phải là đường lối tính toán của Thiên Chúa. Juda đã thất bại ở chỗ đó. Khi nhìn ra điểm này, Juda hối hận, đem trả lại 30 đồng bạc và đã thắt cổ tự vận. Sự thất bại của Juda là ở chỗ chỉ biết dựa vào sự tính toán theo hạ trí của con người mà không hiểu nổi Thiên cơ: **Máu của con Thiên Chúa phải đổ để nhân loại biết thế nào là bác ái, hy sinh thân xác để cứu chuộc cho nhân loại và vinh danh Thiên Chúa!**

#### 4. Đức Jesus sống lại và cho gặp mặt

Mary Magdalene (Maria Madalêna) là một đệ tử yêu dấu của Đức Jesus, một nữ thánh, biểu tượng trí huệ và ngôi âm của Công giáo. Sau khi bà báo tin là xác của đức Jesus đã biến mất khỏi hầm mộ thì Peter và John liền chạy vào mộ. Hai ông đã kiểm chứng là không có dấu tích của sự xâm phạm, bởi vì các khăn vải đắp mặt còn nguyên. Sau đó, đức ngài còn hiện ra cho ba người thấy. Peter dẫn đầu các môn đệ khi Chúa hiện ra ở Galilee. Ở lần hiện ra thứ ba, đức Jesus-Christ đã trao quyền chăn dắt đoàn chiên của Ngài cho Peter:

Đức Jesus hỏi ông Simon Peter: «*Này anh Simon, con ông Jonah, anh có mến thấy hơn các anh em này không?*» ông đáp: “*Thưa Thầy có, Thầy biết con yêu mến Thầy*». Đức Jesus nói với ông: “*Hãy chăm sóc con chiên của Thầy*”.

Người lại hỏi: «*Này anh Simon, con ông Jonah, anh có mến thấy không?*» Ông đáp: *Thưa Thầy có, Thầy biết con yêu mến Thầy*. Người nói: «*Hãy chăn dắt con chiên của Thầy*».

Người hỏi lần thứ ba: «*Này anh Simon, con ông Jonah, anh có mến Thầy không?*» Ông Phê-rô buồn vì Người hỏi đến lần tới ba lần câu: «*Anh có yêu mến Thầy không?*» Ông đáp: “*Thưa Thầy, Thầy biết rõ mọi sự; Thầy biết con yêu mến Thầy*”. Đức Jesus bảo: “*hãy chăm sóc con chiên của Thầy*.” (John, 21,15–17)

Thánh John cho biết đức Jesus-Christ cũng ám chỉ ông Peter sẽ phải chết thế nào để tôn vinh Thiên Chúa: “*Thật, Thầy bảo thật cho anh biết: lúc còn trẻ, anh tự mình thắt lưng lấy... Nhưng khi đã về già, anh sẽ phải dang tay ra cho người khác thắt lưng và dẫn anh đến nơi anh chẳng muốn*”. (when you are old you will stretch out your hands,

and another will dress you and take you where you do not want to go- Ga 21,18).

### 5. Ông tỏ ra là người lãnh đạo khôn ngoan, can trường và nhiều sáng kiến.

Mesopotamia là trung tâm thương mại quan trọng và sầm uất của người Do Thái, từ đây họ đi buôn sang đến tận Ấn Độ và Trung Hoa nên các tông đồ đi hoặc cử người truyền giáo khắp nơi. Trong lá thư thứ nhất, Peter viết từ Babylon (Iraq). Từ năm 33-40 ông coi sóc giáo hội bên Antioch (Hy Lạp). Năm 44 đến Roma (Ý). Trên đường truyền giáo ông mang theo vợ. Đi tù hai lần tại Jerusalem trước khi đi Babylon (Cv 12,17).

Peter đến Rôme khi nào rất khó xác định! Sử sách ghi ông đến Rôme năm 44 dưới triều hoàng đế Claudius. Vị vua này đã đuổi người Do Thái khỏi Roma năm 50 vì có nhiều người tin theo Chúa. Sách khác ghi từ 44-49, Peter ở bên Babylon. Ai thành lập Giáo Hội tại Roma là vấn đề nan giải kể tiếp? Thánh James chết năm 44. Peter bỏ Jerusalem đi nơi khác. Không biết đi đâu nhưng ngài xuất hiện tại công đồng Jerusalem năm 49. Thế kỷ II, trong thư gửi giáo dân Roma, Giám mục Corinto cũng quả quyết giáo đoàn này do hai tông đồ Peter và Paul thành lập. Không có tài liệu chắc chắn cho chúng ta biết là Peter đến Roma vào năm nào. Truyền thống cho rằng, ông làm Giám mục Roma từ năm 42. Tuy nhiên điều chắc chắn là vào khoảng năm 44, Peter mới đi khỏi Jerusalem và năm 49 lại có mặt tại đó để chủ tọa công đồng. Ngài chủ tọa đại hội tại Jerusalem- thường được coi là công đồng đầu tiên. Về sau, thêm ông Paul (Phaolô), ông John (Gioan) nữa và cả ba họp thành “*cột trụ của Giáo hội*” (Gl 2,9).

## 6. Thánh Peter làm phép lạ trị bệnh

Peter đã làm phép cho người đàn ông độ 40 tuổi, bị tật bẩm sinh không đi được, chỉ bằng câu nói: *“vàng bạc ta không có, nhưng ta cho ông điều này. Nhân danh Jesus Christ, hãy bước đi.”* (*Silver and gold I do not have, but what I have I give to you. In the name of Jesus Christ of Nazareth, walk.*)

Phép lạ Thánh Phê-rô chữa người què ở cửa đền thờ đã làm cho người ta để ý đến các tông đồ và cộng đoàn sơ khai. Công nghị Do Thái lo ngại, bắt giam Peter và John. Trước một phiên toà, hai ông can đảm minh chứng cho Chúa Jesus là **Đấng Cứu Thế**. Bị đe dọa không được giảng Đạo, hai ông thẳng thắn trả lời: *Nghe lời các ông hơn là nghe lời Thiên Chúa, điều ấy có phải lẽ trước mặt Thiên Chúa không? các ông thử xét xem! Phần chúng tôi, những gì tai đã nghe, mắt đã thấy, chúng tôi không thể không nói ra.*

### **TIẾT 4: TỬ VÌ ĐẠO**

Trong việc chọn Peter làm thủ lãnh các Tông đồ, lãnh đạo Giáo hội, Đức Jesu không dựa vào những điều kiện *“tài đức vẹn toàn”* mà **chỉ dựa vào tấm lòng biết thương yêu Chúa và làm theo lời Chúa dạy: “Peter, con có yêu mến Thầy không?”** Đây chính là điều kiện nền tảng để có thể chu toàn sứ mệnh mà Chúa trao phó, bởi nếu không có lòng kính yêu Thiên Chúa, công việc của người chức sắc dù ở cấp bậc nào cũng chỉ là vì DANH, CHỨC, LỢI, QUYỀN mà thôi. Chính vì thế, Đức Jesus đã phải hỏi ông đến ba lần *“Peter, con có yêu mến Thầy không?”* trước khi ủy thác cho ông nhiệm vụ hướng dẫn

đoàn chiên. Và sau đó, Peter đã hành đạo theo lời Thầy và đã lấy cái chết của mình để làm chứng về Thiên tính của đức Jesus-Christ.



*Mô tả cái chết của Thánh tông đồ PETER  
với hình Thánh giá ngược.*

Nero là vị vua thứ 5 của Rome từ năm 54 SCN (sau công nguyên) đến năm 68 SCN. Ông có tên đầy đủ là Nero Claudius Caesar Augustus Germanicus (37– 68 SCN), lên ngôi với hiệu Nero Claudius Caesar. Đó là tên bạo chúa khét tiếng ở phương Tây. Sử gia thời xưa viết rằng ông đã giết hại mẹ, người vợ đầu, anh trai, giết luôn người thầy và là nhà triết học nổi tiếng Seneca.

Sau khi Đức Jesus-Christ về trời, Peter sang Roma lãnh đạo giáo đoàn và thiết lập Tòa thánh ở đó. Năm 64, Hoàng đế Neron không rõ lý do đã ra lệnh đốt cả thành La Mã (để mua vui hay để xây dựng nhà mới cho khang trang hơn?). Khi dân chúng tìm kiếm người chịu trách nhiệm

về việc hỏa hoạn, Nero đổ tội cho các tín hữu Kitô giáo để ổn định lòng dân. Hàng nghìn người theo đạo đã bị bỏ đói cho đến chết, bị thiêu, bị ném cho sư tử ăn và xử tử tại khu hí trường ở thủ đô Roma... Trước tình thế nguy hiểm ấy, cộng đoàn ở Roma đã khuyên Peter cấp thời cải trang chạy trốn khỏi thành. Nhưng khi ra được ngoài thành, Peter gặp thấy một người mặc áo trắng đang đi ngược chiều vào thành. Ông nhận ra đó là Đức Jesus, ông lên tiếng hỏi: “*Thầy đi đâu?*” (Quo vadis, Domine?). Đức Jesus đáp: “*Thầy đi vào thành Rôma để chịu đóng đinh thêm một lần nữa*”. Sau đó, Ngài biến mất. Peter hiểu ý **Chúa muốn ông quay vào thành để chịu chết vì danh Chúa nên Ông trở vào thành và chịu tử đạo**. Trước khi chết ông bị cầm tù trong ngục tối Gemonium, sau này đổi tên là Mamertine. Ngục này có 2 tầng đào sâu vào núi. Peter bị xích vào cột đá ngày đêm ăn ngủ ở thế đứng suốt 9 tháng không ánh sáng. Mùi hôi thối bốc lên triền miên vì ngục không bao giờ được dọn dẹp, lau chùi. Ông sống sót suốt 9 tháng trong điều kiện tối tăm, hôi thối trong ổ vi trùng xác người là một phép lạ. Thời gian này ông cải hóa, truyền đạo cho cai tù, giám đốc để lao, và 47 người khác. Năm 67, Peter bị xử đóng đinh trên thập tự giá nhưng ông xin đóng đinh ngược đầu vì tự thấy không xứng đáng được chết như thầy của mình... Nơi đóng đinh là đỉnh đồi có tên Vatican. Thánh thể được cho đã chôn cất dưới nền nhà thờ St. Peter’s Basilica. **Hàng năm, tín đồ Ky tô giáo cử hành lễ kỷ niệm Thánh Peter vào ngày 29 tháng Sáu.**

**PHẦN III**  
**THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP KHAI PHÁP**  
**TRẦN DUY NGHĨA**

- TIẾT 1. TIỂU SỬ NGÀI KHAI PHÁP*
- TIẾT 2. CÔNG NGHIỆP*
- TIẾT 3: NHIỆM VỤ KHAI PHÁP*
- TIẾT 4: NGÀI KHAI PHÁP GIÁNG CƠ DẠY ĐẠO*
- TIẾT 5: TIỀN KIẾP NGÀI LÀ THÁNH TÔNG ĐỒ PIERRE (PETER).*
- TIẾT 6: LỄ KỶ NIỆM NGÀI KHAI PHÁP & SỞ DÂNG CÚNG 12 THỜI QUÂN*

**TIẾT 1: TIỂU SỬ KHAI PHÁP TRẦN DUY NGHĨA (1888–1954)**



**NĂM SINH & NƠI SINH:** sanh ngày 17–8 Mậu-Tý (11–9–1888) tại làng Thành Phô, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

**CHA MẸ:** Thân phụ là Ông Trần Duy Quyền và



Thân mẫu là Bà Đặng thị Lâu, đều ở Gò Công.

VỢ: Bà Hồng thị Đỏ



CON: Hai Ông Bà chỉ sanh được một người con trai, đặt tên là Tháp, nhưng chẳng may mất sớm lúc mười mấy tuổi. Hai Ông Bà nhận cháu gái làm con nuôi tên Nguyễn thị Lụa, Trần thị Huê.

NGHỀ NGHIỆP: công chức Sở Hỏa Xa thời Pháp thuộc. Sau khi theo Đạo Cao Đài, ngài được Thiên phong Khai Pháp. Đức tính ngài điềm đạm, đạo hạnh, làm thơ ký Sở Hỏa Xa Sài Gòn, được bạn đồng sự yêu mến. Tư gia Ngài ở bên cạnh ga xe lửa Sài Gòn, hiện nay là tiệm cơm chay TÍN NGHĨA (9 đường Trần Hưng Đạo, Q1, Sài Gòn).

QUI TIÊN: khoảng 3-4 giờ sáng ngày 22-1 Giáp Ngọ (24-2-1954) tại Văn phòng HTĐ Tòa Thánh, hưởng thọ 66 tuổi.

TIỀN KIẾP: gương linh của ngài Khai Pháp là Thánh Peter (Pierre trong tiếng Pháp), một trong 12 vị Thánh Tông Đồ của Đức Jesus-Christ.

#### TÁC PHẨM:

Trong thời gian Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa cầm quyền Chương quản Bộ Pháp Chánh, Ngài có biên soạn những bài giảng về Chánh Trị Đạo để dạy Hạnh đường. Sau, Ngài tập hợp các bài giảng ấy, lập thành quyển sách tựa đề “*CHÁNH TRỊ ĐẠO*”, giải thích rõ ràng nền Chánh Trị Đạo của Đạo Cao Đài, để người đời khỏi lầm tưởng Đạo Cao Đài là một tổ chức chánh trị, như các đảng phái chánh trị ngoài đời. Danh từ PHÁP CHÁNH cũng do Ngài Khai Pháp đặt ra để thay thế danh từ Tòa Đạo đã dùng khi trước.

Quyển sách “**CHÁNH TRỊ ĐẠO**” gồm 5 phần chính:

\* Phần I nói về nền tảng Chánh Trị Đạo của Đạo Cao Đài gồm 4 cơ quan:

- Hành Chánh, thuộc Cửu Trùng Đài..
- Phổ Tế, thuộc Cửu Trùng Đài..
- Pháp Chánh, thuộc Hiệp Thiên Đài.
- Phước Thiện, thuộc Hiệp Thiên Đài.

\* Phần II nói về Quyền Lập Pháp của Đạo thuộc về 3 Hội: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, Thượng Hội.

\* Phần III nói về Quyền Hành Pháp, thuộc về Cửu Trùng Đài.

\* Phần IV nói về Quyền Tư Pháp, thuộc về Hiệp Thiên Đài.

\* Phần V. so sánh Chánh Trị Đạo và Chánh Trị Đời.

## **TIẾT 2: CÔNG NGHIỆP**

– Năm Bính Dần (1926), Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn đi xuống Gò Công tìm gọi Ngài Trần Duy Nghĩa vào Đạo. Vì Ngài là một nguyên nhân giảng phàm có nhiệm vụ tiền định, nên khi gặp mặt Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài liền đi theo nhập môn làm môn đệ của Đức Chí Tôn, và kể từ đó, Ngài luôn luôn theo sát Đức Phạm Hộ Pháp để hành đạo.

– Ngài Trần Duy Nghĩa được Thiên phong Khai-Pháp, cùng một lượt với chư vị Thời-Quân khác khi Đức Chí-Tôn lập Pháp-Chánh-Truyền Hiệp-Thiên-Đài ngày 12 tháng Giêng năm Đinh Mão (13-2-1927). Ngài hợp cùng Ngài Tiếp-Pháp Trương văn Tràng thành cặp Phò-loan truyền Đạo lúc ban sơ và sau đó trở thành cặp Phò loan

chuyên về Bí Pháp.

– Năm 1930 Ngài nhận lãnh trách vụ Quyền Ngọc Chánh Phối-Sư vì Hội-Thánh Cửu-Trùng-Đài thiếu chức sắc cao cấp.

– Ngày 4-2-1933 Hội-Thánh nhóm giao cho cầm quyền Ngọc Chánh Phối-Sư (Đạo Nghị định thứ 9, 12, 21 và 24 do Thánh Thơ số 5 đề ngày 22 Mars 1933 của ba vị Đầu-Sư).

– Ngày 17 tháng Giêng Quý-Dậu (11-2-1933) Đức Quyền Giáo-Tông Lê văn Trung hiệp cùng với Đức Phạm Hộ-Pháp đồng ký tên ra một Thông Tri thăng phẩm Quyền Đầu-Sư cho ba vị Chánh Phối-Sư là: Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh. Như vậy, ba phẩm Chánh Phối-Sư bị khuyết, nên tạm cử ba vị Thời Quân Hiệp-Thiên-Đài qua Cửu-Trùng-Đài đảm nhiệm ba chức vụ kể trên. Thông tri ấy có đoạn như sau:

“Việc giao quyền hành Chánh-Phối-Sư cho ba Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài là việc của Hội-Thánh mới định hôm kỳ nhóm ngày 9 tháng Giêng rồi đây, nhằm ngày 4-3-1933. Ba Chức sắc ấy là:

- Khai-Thế Thái văn Thâu, lãnh phận sự Thượng Chánh Phối-Sư.
- **Khai-Pháp Trần Duy Nghĩa, lãnh phận sự Ngọc Chánh Phối-Sư.**
- Khai-Đạo Phạm Tấn Đãi, lãnh phận sự Thái Chánh Phối-Sư”.

Theo Đạo Nghị Định của Đức Hộ-Pháp số 56 ngày 23-9 Ất-Hợi (20-10-1935), Ngài Khai-Pháp Trần Duy Nghĩa trở về Hiệp-Thiên-Đài... Ngài được giao nhiệm vụ

Thẩm Án Tòa Đạo và tạm quyền Chương quản Cơ Quan Phước-Thiên cho tới ngày có một vị Thời Quân (Chi Đạo) thay thế (Đạo Nghị Định của Đức Hộ-Pháp số 46 ngày 21-8 Bính-Tý/6-10-1936).

Nhờ đức tánh hòa ái, Ngài được trên dưới kính mến. Có thể nói cho đến ngày nay, các Tín hữu Phước-Thiên vẫn còn luyến tiếc một Chơn-Quân mãn cán tài năng, dịu dặt Cơ quan vững bước trên đường Đạo sự.

- Ngày 17-6-Tân Tỵ (11-7-1941), lính Pháp vào Tòa Thánh bắt bốn vị Chức sắc: Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Giáo Sư Thái Phấn Thanh, và Sĩ Tái Đồ Quang Hiến; đồng thời ở Sài gòn, chúng đến bắt Ngài Khai Pháp tại tư gia. Còn Đức Phạm Hộ Pháp đã bị chúng bắt trước đó ngày 4-6-Tân Tỵ (28-6-1941).

Ngày 4-6 nhuần-Tân Tỵ (27-7-1941), Chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp và bốn vị Chức sắc lưu đày ở Madagascar (Mã đảo) bên Phi Châu, trên chiếc tàu Compiègne. Trong thời gian bị lưu đày nơi Mã đảo, Ngài Khai Pháp và Sĩ Tái Đồ quang Hiến luôn luôn kề cận bên Đức Phạm Hộ Pháp để giúp đỡ và cùng chia xẻ những nỗi đau buồn khổ cực. Sĩ Tái Đồ quang Hiến và Giáo Sư Thái Gấm Thanh đã chết tại đảo.

- Ngày 25-7-Bính Tuất (21-8-1946), Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp và 2 vị Chức sắc còn lại là Phối Sư Ngọc Trọng Thanh và Giáo Sư Thái Phấn Thanh, sau hơn 5 năm bị lưu đày, được Chánh quyền Pháp đưa trở về VN trả tự do.

Ngày mùng 4-8-Bính Tuất (30-8-1946), Chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Khai Pháp,

Phối Sư Ngọc Trọng Thanh và Giáo Sư Thái Phấn Thanh từ Sài Gòn về Tòa Thánh. Hội Thánh và tín đồ tổ chức Lễ Nghinh tiếp vô cùng long trọng và cảm động. Sau đó, Ngài Trần Duy Nghĩa tiếp tục hành đạo sát cánh Đức Phạm Hộ Pháp, được Đức Phạm Hộ Pháp giao cho nhiệm vụ Chương quản Bộ Pháp Chánh. Đến năm 1953, Ngài quyết định bớt việc văn phòng để vào Trí Giác nhập định, nơi đây hiện còn nhà tịnh có tên KHAI PHÁP TỊNH ĐƯỜNG.

Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa mất khoảng 3-4 giờ sáng ngày 22-1-Giáp Ngọ (24-2-1954) tại văn phòng HTĐ Tòa Thánh, hưởng thọ 66 tuổi. Sau khi đăng Tiên, Ngài giáng cơ cho Bài Thài hiến lễ như sau:

*Đã chán công danh dưới phép người,  
Đem thân cửa Phạm để nên nơi.  
Lóng chuông Bạch Ngọc hồi hồn tục,  
Nghe trống Lôi Âm tỉnh mộng đời.  
Năm pháp thiêng liêng đều Thánh vị,  
Cầm cân công lý giữ ngôi Trời.  
Dầu chưa trọn nghĩa Thiên Thơ định,  
Giác ngộ vui theo cũng kịp thời.*

KHAI PHÁP CHƠN QUÂN

### **TIẾT 3: NHIỆM VỤ KHAI PHÁP**

PHÁP CHÁNH TRUYỀN ghi rõ: “*Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp Chương Quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm, phần của Hộ Pháp Chương quản về Pháp*”.

Dưới quyền Hộ Pháp có bốn vị: Tiếp Pháp, Khai

Pháp, Hiến Pháp, Bảo Pháp.

Bốn vị ấy đồng quyền cùng Hộ Pháp; khi đăng lĩnh người sai đi hành chánh, song mỗi vị có mỗi phận sự riêng, quyền hành riêng là:

Tiếp Pháp là người tiếp luật lệ, đơn trạng kiện thưa, có quyền xét đoán, coi có nên phân định hay chẳng; những điều nào không đáng thì chiếu theo Đạo Luật, hoặc bỏ qua, hoặc trả lại cho Cửu Trùng Đài còn như đáng việc phải phân định, thì phải dâng lên cho Khai Pháp định đoạt.

Khai Pháp khi tiếp đăng luật lệ, đơn trạng kiện thưa của Cửu Trùng Đài định xử hay là đã xử nơi Tiếp Pháp dâng lên, thì quan sát coi nên cho cả Chức Sắc Hiệp Thiên Đài biết cùng chẳng, như đáng việc thì tức cấp nhứt diện tư tờ cho Cửu Trùng Đài xin đình đãi nội vụ lại bao lâu tùy ý, song chẳng đăng phép quá 15 ngày, nhứt diện trình cho Hộ Pháp hay, đăng Hộ Pháp mời nhóm Hiệp Thiên Đài, khi hội Hiệp Thiên Đài thì Khai Pháp phải khai rõ nội vụ ra cho Hiệp Thiên Đài quyết định, như quyết định phải sửa cải luật lệ hay là buộc án, thì Khai Pháp phải dâng lại cho Hiến Pháp.

Điều Thứ Sáu của HIẾN PHÁP HIỆP THIÊN ĐÀI (1932) qui định:

**Trách nhiệm của Khai Pháp là lo nghiên cứu những điều cần ích cho chúng sanh mà thêm vào Pháp Luật, tức là mở lần Pháp Luật ra thế nào cho chúng sanh có thể tuân theo mà tu hành cho khỏi điều hà khắc.**

Ngươn Linh của Ngài Khai Pháp là Thánh PIERE, một trong 12 Thánh Tông-Đồ của Thiên-Chúa-giáo. Trong buổi đầu khai đạo, Đạo Sử có ghi lại việc Thánh Pierre

giảng dạy. Chuyện kể ông bà Đốc Phủ Chi là người theo Đạo Công-giáo. Nhon dịp đến nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, ông bà muốn thử xem vấn đề chơn giả của Cơ Bút, nên đề nghị “*Xin cho chúng tôi để thử trên bàn Cơ hai vật này là ảnh tượng Chúa và cây Thánh giá. Nếu Đức Cao-Đài là Thượng-Đế thật thì mời giảng Cơ được, bằng Qui Vương thấy hai vật báu này tự nhiên phải tránh*”.

Ông Cư bằng lòng cho thử. Đoạn ông Đốc Phủ cùng ngồi với Ngài Tắc để quan sát. Theo Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu, quyển I trang 35, Thánh Pierre có giảng cơ cho thi (31 Décembre 1925) như sau:

#### SAINT PIERE

**Thiên đàng giữ cửa góc Trời Tây,  
Truyền Đạo cho dân biết mặt Thầy.  
Cứu chuộc đã gần đôi ngàn tuổi,  
Cao Đài phú thác dặt dìu bày.**

Ngày 11-1-Bính Dần (23-2-1926), ngài Khai Pháp được Đức Chí Tôn cho bài thi:

***Đạo Tâm rõ rõ sáng như ngày,  
Hiệp cũng may mà gặp cũng may.  
Đã mộ trong lòng thân cũng mộ,  
Một lòng mộ Đạo chớ đơn sai.***

#### **TIẾT 4: NGÀI KHAI PHÁP GIẢNG CƠ**

**I. Ngài Khai-Pháp giảng cơ cho biết đặc phẩm vị TIÊN:**

Một ngày sau khi mất, Ngài Khai-Pháp giảng cơ tại Bộ Pháp Chánh HTĐ đêm 23-1-Giáp Ngọ, lúc 8 giờ tối:.



*Khai-Pháp TRẦN DUY NGHĨA*

*Tệ tăng xin chào quý bạn, Qua chào mấy em.*

*Chẳng phải lẽ sống là hạnh phúc cõi trần gian, nếu biết thì quý bạn cũng đã mừng cho Tệ Tăng rồi. Cái phàm thể chẳng qua là đồ mục, đâu đáng gì. Chính lúc sanh tiền, Tệ Tăng cũng lắm lần đó. Vậy xin cảm bái lòng tri ngộ của Đức Hộ-Pháp và cảm tạ quý bạn cùng Hội-Thánh. Các em cũng vui mà lo tròn trọng trách nghe. Xin để lời chào mừng bốn quyển.*

*Sáu mươi sáu tuổi có bao lâu,  
Ngảnh lại trần gian chứa măn sâu.  
Tiếc lúc về già đời mỗi mắt,  
Dầu an Tiên cảnh vẫn đeo sầu.*

**2. Khai-Pháp giảng cơ nói về cái chết của Ngài:**

Đêm 26-I.Giáp Ngọ (28-2-1954).

*“Qua chào mấy em.*

*Thấy mấy em nhọc nhằn, Qua không vui chút nào. Sự sanh ly tử biệt là thường của thế gian. May duyên, Qua được diễm phúc thọ hồng ân của Đức Chí-Tôn và Đức Từ Mẫu mà Qua được biệt đãi, chớ thật ra Qua với mấy em đâu có khác gì.*

*Nhớ lại lúc anh em chúng ta chung trí để làm việc, mặc dầu có nhiều sơ sót vì chúng ta không phải là chuyên môn, nhưng có nhiều đặc sắc. Ngày về, Qua được Đức Chí-Tôn ban ân khen thưởng, đó là công nghiệp của mấy em. Vậy Qua xin thành thật cảm tạ ơn triu mến đã làm nên sợi dây thân ái giữa chúng ta thêm bền chặt. Qua xin mấy em vui lòng với Qua nghe.*

*Thừa Sứ bạch: – Đức Hộ-Pháp muốn rõ lúc Ngài qui vị.*

*– Đức Ngài muốn biết rõ để răn phạt em Bảo thể có phận sự bữa đó.*

*Thừa Sứ bạch: Phải lúc 4 giờ Ngài đi tiểu trở vô mới té phải không?*

*– Không phải, lúc ấy vào lối 3 giờ hơn. Qua thấy chột dạ và không muốn làm phiền mấy em Bảo-thể nên Qua tự mở cửa định vòng ra ngã sau, vừa đến tam cấp, có luồng gió lạnh đập mạnh vào nên té luôn mà rời xác. Đó là anh Cao Thượng-Phẩm đến đem Qua về.*

*Thừa Sứ bạch: Có lẽ khi té, Ngài trần trở một lúc rồi mới đi?*

*– Đi liền. Qua bị còn một chút nợ nên phải trả bằng cách ấy cho trọn đầy thôi, chớ chẳng phải rủi ro chi cả. Mấy em an tâm, nếu Đức Hộ-Pháp có hỏi thì bạch giùm Qua, chớ để em Bảo-thể bị phạt thì oan cho nó lắm. Thời khi khác, Qua sẽ đàm đạo nhiều. Qua kiểu mấy em.”*

**Chú thích:** Sở dĩ có lời tâm sự ấy là vì lúc qui Thiên, lẽ ra có vị Bảo-thể theo săn sóc sức khoẻ cho Ngài Khai-Pháp, nhưng lúc đang đem Ngài ra ngoài một mình rồi té trên bực thêm và tắt hơi. Lối ấy qui vào trách nhiệm của vị Bảo-Thể. Nhưng Ngài đã thanh minh cho rồi.

Còn câu nói “*bị còn một chút nợ nên phải trả bằng cách ấy cho trọn đầy thôi*”, đó là nói về tiền kiếp Thánh Pierre đã ba lần chối Chúa, khi chết bị đóng ngược đầu trên thập giá; giờ ngài Khai Pháp cũng chết trên bực thêm (chúi ngược đầu) rồi đi luôn.....

### 3. Đức Cao Thượng-Phẩm giảng cơ cho biết Ngài

**Khai-Pháp có đủ công nghiệp nên trở về cựu vị: Bộ  
Pháp Chánh, 30-1-Giáp Ngọ (4-3-1954)**

### **CAO THƯỢNG PHẨM**

Chào Tiếp-Pháp, Bảo-Đạo, mấy em và Chị ba.

*Hôm nay, toàn thể Ngọc Hư Cung đều vui mừng tiếp rước vị Khai-Pháp Chơn-Quân trở về cựu vị với công nghiệp rõ ràng. Vậy, Bản đạo đến cho hay trong cửa Hiệp-Thiên-Đài thêm phần vinh hiển. Thôi, Bản đạo nhượng cơ cho Trần Khai-Pháp.*

### **Khai-Pháp TRẦN DUY NGHĨA**

*“Xin chào mấy bạn, chào mấy em.*

*Từ buổi rảnh nợ trần, Tệ Tăng vẫn luyện tiệc đến những công nghiệp mà mấy bạn sẽ tiếp tục làm hằng ngày gần đây. Ngày giờ đã định, Chí-Tôn không thể để Tệ Tăng còn ở tại trần nữa và phải giao phận sự lại cho bạn Tiếp-Pháp. Vậy Tệ tăng không thể cùng mấy bạn chung vui sốt nhọc lúc sau này mà phải trở về lo mặt huyền linh, hầu giúp cơ xây chuyển được chóng kịp ngày giờ.*

*Mấy bạn tuy mất Tệ tăng về mặt hữu hình, song ở vô vi thì Tệ tăng luôn luôn ở bên mấy bạn.*

*Bạn Tiếp-Pháp, kể từ giờ này, bạn là vị Chơn-Quân lãnh phần Tiếp-Pháp lĩnh mà hành nên Chánh truyền cho cơ định thể. Phần Khai-Pháp đã qua, giờ đến lượt bạn, ấy Thiên cơ tiền định. Bạn suy gẫm sẽ hiểu thêm.*

Tiếp-Pháp bạch:... (về sự bất tài của mình)

*– Việc làm trước dở sau hay là lẽ thường, nghề dạy nghề chó không ai dạy ai giỏi. Vậy bạn cứ nung chí và tận lực thì kết quả không xa đâu. Từ đây là cơ hành pháp chó*

*không còn là cơ thọ pháp nữa. Vậy bạn là người tiếp nhận pháp giới của chúng ta và tằng Hộ-Pháp đặng ban hành chánh pháp cho Thánh thể và cả con cái Chí-Tôn. Như vậy thì trách nhiệm rất nặng nề, bạn khá thận trọng, còn về mặt vô vi, Tệ tăng luôn luôn giúp sức, nếu có điều chi thắc mắc thì cứ kêu Tệ tăng sẽ đến giải giúp cho.*

*Bạn Bảo-Đạo,*

*Bạn đã thọ Thiên ân trong hàng Thời Quán với trọng trách Bảo-Đạo tức là thay thế cho Thượng-Phẩm tại thế vậy, bạn hiểu trách nhiệm nặng là dường nào rồi, chỉ còn chờ ngày Đức Hộ-Pháp và Anh Thượng-Phẩm ban Pháp thì bắt tay vào việc. Bạn ráng lên vì sẽ mệt nhọc lắm đó.*

*Anh Quyền Thượng Chánh Phối-Su, Tệ tăng xin gửi lời chào mừng hết các bạn Cửu-Trùng-Đài và để lời cảm tạ. Tệ tăng hứa sẽ giúp tay anh Quyền Giáo-Tông đặng Cửu-Trùng-Đài ra giá trọng.*

*Bây giờ Tệ tăng xin nói chuyện với người bạn một chút: Bà Hương Đổ<sup>[1]</sup>, xin Bà dẹp hết sầu bi mà mừng cho Tệ tăng. Nói như thế thì Tệ tăng đã quá lực tuần rồi, cảnh biệt ly không còn chi đáng thương xót nữa. Còn về việc Đạo thì ngày công tròn quả mãn đặng về Chí-Tôn và Phật Mẫu là ngày vinh diệu hơn hết. Vậy thay vì buồn thương, Bà mừng vui mới phải. Tệ tăng chỉ muốn biết một điều là bà xin Quyền Chí-Tôn tái thủ phận sự đặng tiếp tục công nghiệp lúc về già. Được chừng ấy thì Tệ tăng vui mừng lắm. Còn việc nhà, khéo thu xếp là được, Tệ tăng khỏi bận nhắc. Như vậy là đủ rồi, Tệ tăng xin kiếu.”*

#### **4. Ngài Khai Pháp giảng cơ nhắc đến Di Lạc**

---

[1] Bà **Hương Đổ**, thế danh là Hồng Thị Đổ, vợ của Ngài.

## Vương và Chơn linh VI HỘ.

Đêm mùng 2-12. Giáp Thìn (4-1-1965) tại Giáo Tông Đường.

### KHAI PHÁP

*Chào Hiền huynh Bảo Thế và các em.*

*Tiền đây, Bản tăng đàm đạo cùng Bảo Thế. Ngày Bản tăng về Chí Tôn mới rõ quyền năng Thiên Triều vô biên. Chính Bản tăng rón rén **bước vào Bạch Ngọc Kinh, phải nhờ Chơn Linh VI HỘ dẫn tấn.** Từ đây mới biết Chí Tôn phần nào và được thấu đáo nhiệm vụ của Thời Quân, chẳng những nơi thế gian này mà còn nơi cõi Thiên nữa. Như thế mới khiếp sợ với trách vụ mình. Nếu quý bạn được thấy thì tưởng không còn muốn ở cõi trần nữa làm gì. Vậy Bản tăng ước mong quý bạn Thời Quân tìm cách dòm về hướng Chí Tôn để rộng quyền làm tròn Thiên Soái mạng.*

*Hôm rày, Đức Phạm Hộ Pháp Chuông quản HTĐ có nhóm Hội Thánh HTĐ nhiều lần để quyết định tương lai của nền Chánh giáo. Vì thế mà Bản tăng được chỉ định gần gũi Hiền huynh để ủng hộ và trao lời của Đức Phạm Hộ Pháp dạy. Hiền huynh nhớ **Đạo Cao Đài có Chánh Trị Đạo, thì tưởng cũng không đụng chạm ai, Đòi họ lo lấy, Đạo mình mình trị trong vòng tự do tín ngưỡng, miễn đừng lấn quyền Đòi thì thôi.***

*Hộ Pháp có than lúc này không người kế chí, nhưng Đức Ngài còn tin nơi Hiền huynh, nên chính Đức Ngài dục tấn Hiền huynh về. Khi còn ở đô thành, có lẽ Hiền huynh còn nhớ Ngài kêu hôm nào đó. Hiền huynh cứ tiến tới nhiệm vụ của Đức Phạm Hộ Pháp đã giao, tức bên cạnh có Đức Ngài và chư Thời Quân âm trợ, đừng lo ma hồn quỷ xác gì*

nữa, bất quá chúng nó thêm công quả để Hiền huynh đạt đạo cho mau vậy thôi. Hiền huynh vững đức tin, cuộc thế đã đến kỳ kết thúc, nên Thần Tiên đã lâm phạm, đồng ngưỡng về Cao Đài Thánh địa, là Tòa Bạch Ngọc Kinh tại thế. Buổi Phật Di-Lạc Vương trị vì thiên hạ, cứ tiến tới có ngày vui sắp đến.

Bản tăng tưởng Hiền huynh đã từng gần Đức Phạm Hộ Pháp thì cũng còn nhớ cách phục nhơn tâm và thâm thiên hạ là đường nào rồi. Nhờ tâm đức ấy mà Ngài lập đại công, thì Hiền huynh nên đổ theo đường lối ấy thì ắt thành công trong sứ mạng đó.

À! Chính giùm chỗ luyện Tam Bửu: Tay trái bắt Ấn Tý cầm chén bông, còn tay mặt bắt Ấn Hộ Pháp để lên trên chén. Hôm nọ viết sai.

Xin chào Hiền huynh. Để kỳ tới sẽ tái ngộ.

### **TIẾT 5: ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP VÀ CHO BIẾT TIẾN KIẾP**

Ngày 28-1.Giáp Ngọ (2-3-1954), trong buổi Lễ Di Liên đài của Ngài Khai Pháp nhập bửu tháp. Đức Hộ Pháp có phát biểu để tưởng niệm và cũng để tuyên dương công nghiệp của Ngài Khai Pháp, xin trích ra một đoạn sau đây:

*“Đức Khai Pháp Chơn Quân, cả toàn Thánh Thể và con cái Đức Chí Tôn đều hiểu là ai? Trong 12 vị Chơn Quân của 12 con Giáp là cơ huyền bí tạo Càn khôn vũ trụ thế nào, có lẽ cả tinh thần của toàn thể con cái Đức Chí Tôn hiểu thấu. Bản đạo lại thêm một điều trọng hệ hơn hết, Người không phải xa lạ với nhơn loại nơi mặt Địa cầu này, Người đã cùng làm bạn với nhơn loại và chịu*

*khổ cùng nhưn loại. Ngài là một bậc yếu nhân đã giúp Đức Chí Tôn tạo dựng một nền văn minh hiện tại. Bản đạo nói quả quyết rằng: Ngài là một vị yếu nhân đã cầm quyền về tinh thần của nền văn minh. Ngài tái kiếp, sứ mạng của Ngài là không chỉ khác hơn là làm thế nào cho nền văn minh ấy chung hiệp các nền văn minh tối cổ trên mặt Địa cầu này, làm cho thiên hạ thống nhứt về tâm hồn, thống nhứt về đạo đức....*

*Thật sự hôm nay, Đức Khai Pháp Chơn Quân đã hưởng trọn hạnh phúc mà Bản đạo đã tỏ ra khi nầy đó, cái hạnh phúc chơn thật của Ngài hôm nay được hưởng, trái lung lại, chúng ta buồn thảm chia ly về phần xác, mà Bản đạo lấy làm hân hạnh vui hứng thấy Ngài đã đoạt Đạo. Đức Khai Pháp Chơn Quân đã đoạt đạo tại thế nầy đó vậy. Bản đạo làm chứng cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn điều ấy.”*

Theo lời Đức Phạm Hộ Pháp, chúng ta hiểu rằng, Ngươn linh của Ngài Trần Duy Nghĩa là Thánh PETER (Pierre, Phê-rô). Thánh Peter chiết chơn linh giáng phàm để làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo. Thánh Peter là một trong số 12 môn đồ của Đức Chúa Jésus, là người mà Đức Chúa Jésus tin cậy đặt nền tảng của Hội Thánh truyền giáo. Ông Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai có thuật chuyện về Ngài Khai Pháp như sau:

*“Một hôm nọ, Đức Phạm Hộ Pháp lập đàn, có các vị Chức sắc Thiên phong dự chứng. Đức Phạm Hộ Pháp cầm cây Kim Tiên đưa ra bên trên và trước mặt Ngài Khai Pháp đang quì. Đức Phạm Hộ Pháp nói: Nầy Pierre, ngày trước ngươi đã chối ta ba lần, lần nầy ta tha cho đó. Đoạn Ngài Khai Pháp lay. Đàn mãn.”*

Chẳng những tha tội, Đức Hộ Pháp còn tỏ lòng thương mến đặc biệt đối với Ngài. Trong dịp Lễ Đại Tường của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, tại Bửu tháp, Đức Phạm Hộ Pháp nhắc lại công nghiệp khổ hạnh của Ngài như sau:

*“Hôm nay là ngày Lễ Đại Tường của Đức Khai Pháp Chơn Quân, Bản đạo không cần minh tả, tưởng toàn thể con cái Đức Chí Tôn mến tiếc Ngài là một vị Chơn linh nguyên nhân của Đức Chí Tôn đã định. Nhắc lại công nghiệp của Ngài, Bản đạo cảm giác vô cùng. Sự cảm giác của Bản đạo đối với Ngài, không giờ phút nào Bản đạo quên được cái công cực khổ đáo để của Ngài đối với Bản đạo. Bản đạo chắc chắn rằng, trong Chức sắc HTĐ, Bản đạo chỉ nhờ Đức Khai Pháp nhiều hơn hết. Đó là bằng chứng hiển nhiên. Ngày nay, Ngài đã qui Thiên, thì nền Đạo đã bớt hết một cánh tay gánh vác sự nghiệp thiêng liêng vĩ đại của Đức Chí Tôn tại mặt thế này. Bản đạo thấy cái sống ở đời của Đức Trần Khai Pháp trong buổi sanh tiền chưa có hưởng hạnh phúc hay thú vị gì cả. Sự nghiệp giàu sang, vinh hiển cũng không màng, chỉ nguyện đem cái xác thân này hiến trọn vẹn nơi cửa Đạo. Đức Chí Tôn đã lựa sắm hồi nào mà chính mình Đức Chí Tôn lựa sắm thật là xứng đáng. Trong buổi đầu, Đức Chí Tôn dạy: **“Con muốn ra gánh vác sự nghiệp thiêng liêng, lập nền Quốc Đạo, trước hết con phải lập Pháp cho xong thì Đạo mới vững bền được.”***

*Buổi nọ, Bản đạo để trọn vẹn cho Đức Chí Tôn lựa, chớ không phải phạm lựa. Khi được cơ bút dạy đi tìm Khai Pháp tại tỉnh Gò Công, Bản đạo chưa từng đến, mà cũng không làm bạn với một người nào nơi tỉnh ấy, nhưng cũng vâng lệnh đến tìm; hỏi thăm thì đã trúng ngay nhà Ông*



Trần Duy Nghĩa. Vừa gặp người đứng trước thêm nhà, hỏi thăm thì người nói: “Tôi là Trần Duy Nghĩa”. Nói rồi, mời Bản đạo vào nhà. Bản đạo không ngần ngại và để đức tin nơi quyền thiêng liêng, bèn tả hết công việc, thì Ngài hứa tình nguyện một điều là hủy cái đời giàu sang vinh hiển để nạp mình vào nơi cửa Đạo. Bản đạo chưa tin, còn hồ nghi bị chúng gạt. Khi về đến Sài gòn, Ngài chỉ xách theo một gói đồ trên tay và không trở về gia đình lần nào. Bản đạo đưa bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn bảo đi tìm Ngài, thì Ngài nói với Bản đạo hai câu làm cho Bản đạo kính phục và cảm tưởng mãi nơi tâm, biết rằng ông này có thể chung sức với mình gánh vác nỗi sự nghiệp của Đức Chí Tôn giao phó. Ngài nói rằng:

**“Tôi tưởng dòng dõi dân tộc Việt Nam bốn ngàn năm đã chết, nào dè ngày nay Đức Chí Tôn định lập Quốc Đạo, thì chắc chắn rằng, đất nước Việt Nam sẽ sống lại được mà cứu Tổ quốc và giống nòi Việt Nam cõi ách nô lệ giữa thời Pháp thuộc bạo hành.”**

Kể từ đó, Ngài vẫn cương quyết lo giúp Bản đạo với một sự kính nể đáo đẽ, không giờ phút nào Ngài xa Bản đạo. Không nhắc đến thì thôi, mà nhắc đến làm cho giọt lệ của Bản đạo tuôn chảy không ngừng. Chẳng phải riêng Bản đạo mất một người ân trọng nghĩa thâm, mà toàn đạo Nam Nữ thấy đều mất một người bạn yêu mến thiêng liêng đó vậy. Nhớ lại lúc chánh quyền Pháp đày ra hải đảo Madagascar, trong đó có nhiều Chức sắc Thiên phong cùng chung chịu ảnh hưởng, Bản đạo chỉ thấy một Đức Ngài và em Thánh Hiến hết lòng phụng sự Bản đạo, còn bao nhiêu vì quyền lợi mà xua đuổi hành phạt Bản đạo đáo đẽ. Có người dựa quyền lợi theo thuyết Cộng sản, dùng sức mạnh

trở lại khổ khốc Bản đạo mà chúa vừa lòng. Họ còn xúi giục chánh quyền đày Bản đạo lên nguồn cao nước độc để giết Bản đạo một cách gián tiếp. Nếu chẳng nhờ quyền năng thiêng liêng giúp sức thì Bản đạo không thể trở về Tổ quốc Thánh địa nước Việt Nam ngày nay. Tội nghiệp em Thánh Hiến với Ngài Khai Pháp, thấy vậy cũng xin đi theo, đã bị chúng đuổi đánh, cũng tính kể đi theo nuôi dưỡng Bản đạo cho được. Thánh Hiến, vì đi theo Bản đạo uống nước độc mà bỏ mình nơi rừng sâu núi thẳm, chỉ còn Bản đạo và Ngài. Ngài ôm Bản đạo mà **khốc**, chỉ van vái một điều là cầu xin Đức Chí Tôn đem về đất Thánh cố xác mà thôi. Thật quả nhiên như lời nguyện không sai.

Khi trở về Thánh địa, Bản đạo gượng làm vui, chớ kỳ thật riêng Ngài Khai Pháp và Bản đạo, không giờ phút nào quên cảnh tù đày lao khổ. Bản đạo thấy con cái Đức Chí Tôn rất chú ý về việc đó, nhưng Bản đạo ôm lòng nín chịu, căn dặn Ngài không thốt ra lời nói gì cả. Bản đạo sợ nói ra đây, gây oán chuốc hờn thêm cho Đạo. Nếu Bản đạo nói ra, chắc không bút mực nào tả hết, lại gây thêm xung đột. Kể từ ngày về Thánh địa, Ngài Khai Pháp thường than thở với Bản đạo, vì sợ e gây cảnh nổi da xáo thịt, bên ngoài thì Pháp, bên trong thì Việt Minh, ở giữa thì Quân đội Cao Đài. Ai vui hưởng, chớ riêng Ngài không có ngày nào không lo sợ, sợ đổ máu giết chóc lẫn nhau, lẫn đến tương tàn cốt nhục của nòi giống Việt Nam ta nữa mà chớ.

Sau ngày Trung Tá Trấn (Truyền Trưng Phạm Ngọc Trấn) Thánh Vệ Trưởng bị quân đội Thành ám sát, Ngài thường đến Trí Huệ Cung ôm Bản đạo vào lòng, **khốc và than** rằng: Thấy ôi! Cái sợ của tôi ngày nay đã đến rồi. Tôi hằng than thở với Thầy từ nơi hải đảo, là nơi chúng đày

khổ thân. Thấy trò mình tưởng về đất Thánh địa được yên vui, nào dè có quân đội, cho nên mới ra nổi này! **Than rồi khốc**, rồi Ngài vịn niu lấy Bản đạo mà nói: “Thầy ôi! Vì lời khuyên xưa kia, Thầy trò mình mới về dều dất con cái Đức Chí Tôn mà họ đầu thẩu đảo tâm trạng, nay Trấn đã chết rồi thì tôi thấy còn nhiều thảm họa dầy dẩy, tự gây phản bội mà làm ly tán, thì bây con đại của Đức Chí Tôn phải sống nơi nào cho an phận. Thưa Thầy! Thà Thầy trò mình ở lại vùi thân nơi chốn tù đầy hải đảo rừng xanh nước độc, còn thú vị hơn về đây thấy cảnh đổ máu không lịch sử, dòng dõi chủng tộc VN phải ly tán, tiền đồ Tổ quốc không dựng lại, mà nơn loại phải chịu cảnh sắp diêu tàn, nền Đạo chính nghiêng bởi cảnh đó.”

Nghe qua những tiếng nói thảm thiết, làm cho giọt lệ Bản đạo đã chảy theo không ngừng, nhưng Bản đạo cố gượng cho khuấy khỏa. Hồi nghĩ lại, Bản đạo gượng làm vui, mượn cớ cho Ngài bớt buồn râu đau thảm: “Không anh à! Mấy em nó vì đầu óc thanh niên, không phải như mấy anh lão thành vậy đâu. Vì máu nóng còn đua tài, chác lợi, quyền trọng tham danh, chớ buộc cả thầy như quý anh sao được.”

Bản đạo thấy Ngài buồn, kiếm chước cho vui đỡ, và lần lượt kiến tạo Trí Giác Cung, đặng khuyên Ngài vào ở đó cho yên tịnh, cho bớt thấy cảnh thảm họa trên diễn trước mắt hàng ngày.”

## TIẾT 6: LỄ KỶ NIỆM & SỞ DÂNG CÚNG

Ngài Khai Pháp và 11 vị Thời quân khác đã cùng về nơi cõi Thiêng liêng. Chúng ta chưa biết tiền kiếp của 11 vị còn lại. Tuy nhiên, riêng với ngài Khai Pháp, chúng ta đã thấy rõ mối liên hệ tình cảm mật thiết và lòng trung

thành của Ngài đối với vị Thầy của mình ở tiền kiếp cho đến vị Thầy ở kiếp hiện tại: **tiền kiếp ĐỨC JESUS, hậu kiếp HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC.**

Theo lời Đức Hộ-Pháp, chúng ta hiểu rằng: Ngài Trần Duy Nghĩa là Thánh Pierre (Phê-rô) chiết chơn linh giảng phạm để làm tướng soái cho Đức Chí-Tôn Khai-Đạo. Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

*“Theo Bí pháp chơn truyền của cơ sanh hoá phải có đủ Âm Dương. Trong sanh quang chúng ta có điện quang (Négatif và Positif) cũng như vạn vật có trống mái vậy. Nên Tôn giáo nào có đủ âm dương thì mới vĩnh viễn. Như Đức Chúa Jê-sus Christ ngày trước bị đóng đinh trên cây Thánh giá đầu thuận lên trên gọi là đạt Dương. Ông Thánh Pierre là đệ I Tông đồ, bị đóng đinh trở ngược lại gọi là phản Âm. Âm Dương tương hiệp tượng trưng bí pháp nên Đạo Thánh lưu truyền 2000 năm, không ai dùng quyền gì tiêu diệt được.”*

Đức Khai Pháp TRẦN DUY NGHĨA được Đức HỘ PHÁP giao trọng trách quản lý nơi CUNG TRÍ GIÁC cho đến ngày Qui Thiên. Bửu Ảnh Đức Khai Pháp được Thờ nơi Cung Trí Giác. Hàng năm đến ngày 22/01/ Âm Lịch thì tiến hành Lễ rước Bửu Ảnh Đức Khai Pháp về Đền Thờ Phật Mẫu. Dưới đây là lời cầu nguyện trong lòng Sớ dâng cúng THẬP NHỊ THỜI QUÂN

*Ngưỡng nguyện: THẬP NHỊ THỜI QUÂN thế đặc báo sanh Đại đức: Bác-ái, Công-bình, vận chuyển Huyền diệu Thần bút, thường giảng oai linh hộ trì bố hoá chư Đệ-tử trí não quang minh, tinh thần mẫn tuệ, thừa kế đại chí bảo thủ chơn truyền, thật hành NHỜN NGHĨA tế độ chúng sanh hiệp đồng chúng tộc,*

*buynh đệ nhứt gia, cộng hưởng thái bình, thanh nhàn hạnh phúc.*



**Bửu ảnh thờ ngài Khai Pháp**



**Lễ rước bửu ảnh tại Trí Giác Cung**

## PHỤ LỤC I

### HUYỀN BÍ TUỔI CỦA THẬP NHỊ THỜI QUÂN

Thập Nhị Thời Quân có 12 phẩm cho 12 vị khác tuổi nhau. Người lớn tuổi nhất là Bảo-Đạo Ca Minh Chương tuổi Canh Tuất (1850), nhỏ tuổi nhất là Tiếp-Thế Lê Thế Vĩnh tuổi Quý Mão (1903). Tuy ở bốn phương khác nhau, nhưng nghe theo lời gọi của Đức Chí Tôn, các vị tề tựu về. Tuổi của 12 vị đủ theo 12 chi: một vị ở đầu bảng và một vị ở cuối bảng của Thập nhị Địa Chi. Quả là cơ mẫu nhiệm của tạo hóa.

1. Khai-Pháp Trần-Duy-Nghĩa tuổi Mậu TÝ (1888)
2. Khai-Đạo Phạm-Tấn-Đãi tuổi Tân SỬU (1901)
3. Hiến-Pháp Trương Hữu Đức tuổi Canh DẦN (1890)
4. Tiếp-Thế Lê Thế Vĩnh tuổi Quý MÃO (1903)
5. Bảo-Pháp Nguyễn Trung Hậu tuổi Nhâm THÌN (1892)
6. Tiếp-Pháp Trương văn Tràng tuổi Quý TỶ (1893)
7. Hiến-Thế Nguyễn-văn Mạnh tuổi Giáp NGỌ (1894)

8. Bảo-Thế Lê -Thiện Phước tuổi Ất MÙI (1895)
9. Hiến-Đạo Phạm-văn Tươi tuổi Bính THÂN (1897)
10. Tiếp-Đạo Cao-Đức Trọng tuổi Đinh DẬU (1897)
11. Bảo-Đạo Ca-Minh Chương tuổi Canh TUẤT (1850)
12. Khai-Thế Thái-văn Thâu tuổi Kỷ HỢI (1899).

Trong số 12 vị Thời Quân này, người được Đức Chí-Tôn chọn đầu tiên là Ngài Khai-Pháp Trần Duy Nghĩa, và người được chọn sau cùng là Ngài Tiếp-Đạo Cao Đức Trọng.

Tuổi và ngày giờ được ghép bởi Thập can và Thập nhị chi còn gọi là Thập nhị thời thần.

Kinh Phật-Mẫu có câu:

*“Thập thiên can bao hàm vạn tượng,  
Tùng địa chi hóa trưởng Càn khôn.”*

**\*\*\*Chú thích:**

**Thập can (tức là 10 thiên can): theo thứ tự:**

1 – Giáp	2 – Ất	3 – Bính	4 – Đinh	5 – Mậu
6 – Kỷ	7 – Canh	8 – Tân	9 – Nhâm	10 – Quý

**Thập nhị chi (12 địa chi): theo thứ tự:**

1 – Tý	2 – Sửu	3 – Dần	4 – Mão	5 – Thìn	6 – Tỵ
7 – Ngọ	8 – Mùi	9 – Thân	10 – Dậu	11 – Tuất	12 – Hợi

*Can chi nào là số lẻ là dương, can chi nào là số chẵn là âm. Dương Can chỉ kết hợp với Dương Chi, Âm Can*



chi kết hợp với Âm Chi.

Theo thứ tự người ta ghép một can với một chi như can thứ nhất (Dương) với chi thứ nhất thành tuổi Giáp-Tý... Tiếp tục phối hợp can thứ nhất với chi thứ mười một rồi can thứ ba (Dương) với chi thứ nhất, cứ tuần tự như vậy lại đến năm Giáp-Tý nữa là đáo tuế. Trong một chu kỳ, tên mỗi can xuất hiện sáu lần (60: 10 = 6) và tên mỗi chi xuất hiện năm lần (60: 12 = 5). Chu kỳ này, ta gọi là lục thập giáp.

### SỰ ỨNG HỢP GIỮA THỜI-QUÂN & THỜI THÂN

Đức Hộ-Pháp nói: “Cả toàn Thánh-Thể và con cái Đức Chí-Tôn đều hiểu: Trong 12 vị Thời-quân của 12 con giáp là cơ huyền bí tạo càn khôn vũ-trụ thể nào có lẽ cả tinh thần của toàn thể con cái Đức Chí-Tôn đều hiểu thấu”.

Vai trò của Thập Nhị Thời Quân rất quan trọng. Chư vị là đồng tử trung gian giữa Trời và Người. Chư vị là những thiên sứ phò cơ nhận lời Phật Tiên dạy. Từ trước Hiệp-Thiên-Đài đã có qui định 4 cặp cơ là:

- Hai ông Tắc, Cư là cơ lập Giáo
- Hai ông Hậu, Đức là cơ lập Pháp
- Hai ông Sang, Diêu là cơ truyền giáo
- Hai ông Nghĩa, Tràng là cơ bí pháp

Cơ bút là bí pháp mâu nhiệm và là quyền lực của Thiêng Liêng. Thánh ngôn chỉ có giá trị khi cầu ở Cung Đạo và đồng tử là người được Ôn Trên chỉ định. Còn những ai khác hoặc cầu ở nơi khác thì chỉ để học hỏi không có giá trị truyền Đạo.

Đức Chí tôn dạy: “Thấy lại nhắc cho các con hay rằng: Trong Thập Nhị Thời Quân, đâu đó đều có sắp đặt,

*nếu không phải mấy đứa phò-loan của Thầy đã định thì các Thánh-ngôn do nơi khác mà ra đều là không phải lời của Thầy nói. Con phải để phòng cẩn thận, nghe à!*

*Thầy hằng nói cho các con biết, việc CỜ BÚT là việc tối trọng, nếu không có Chơn-linh quý trọng thì thường có Tà quái xung nhập mà khuấy rối làm cho thất nhơn tâm, lại còn một điều đáng quan phòng nữa là trong mấy đứa phò-loan cũng có đứa không dè-dặt, tưởng CỜ BÚT là việc khinh thường làm thế nào cũng đặng, rồi muốn lấy đó mà cầu hỏi những điều vô vi, nên cũng có nhiều khi vì đó mà sanh biến trong Đạo.*

*Thầy nói cho các con hiểu bậc Chơn Thánh mà phải đọa trần nếu không đủ tánh chất để dìu-dẫn nhơn sanh thì cũng chưa xứng đáng cầm bút cho Thầy truyền Đạo. Các con nghe à!”*

## PHỤ LỤC 2

### GIẢI THÍCH VỀ CHÈO THUYỀN BÁT NHÃ

*Lời giải thích về Chèo Thuyền Bát Nhã của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Chương Quán Cơ Quan Phước Thiện, tại Khách Đình, ngày 13-10-Ất Hợi (8-11-1935).*

### ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Nhị Thập Niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

Kính Đức Hộ Pháp,

Kính Hội Thánh Cửu Trùng Đài,

Các Ban: Bộ Nhạc và Tổng Trạo, mấy em nam nữ.

Hôm nay là ngày 13 tháng 10 Ất Hợi, nhằm lễ kỷ niệm Khai Đạo hằng năm, lại nữa là ngày khai Thuyền Bát Nhã tại Khách Đình. Bản tăng vàng lệnh Đức Hộ Pháp dẫn giải cho nhơn viên hiện có trách nhiệm trọng yếu trong Bát Nhã thuyền được rõ: Lấy theo Thể pháp, các em đây là nhơn viên của Đức Phật Di-Lạc tượng trưng thể pháp nơi mặt thể này, nương lấy khuôn Thuyền Bát

Nhã trong thời kỳ Hạ nguơn hầu măn khởi đầu Thượng nguơn Tứ Chuyển.

Về hữu vi, tượng trưng đưa xác người vào nơi cực lạc giới, gọi là kiếp thoát trần; mặt khác về nhiệm mầu vô vi là Cơ Tận độ cứu rỗi cứu nhĩ ức nguyên nhân qui hồi cứu vị, cùng các chơn hồn tiền vãng hậu vãng và các chơn hồn vật loại đạt đến phẩm NHƠN khi thoát xác được siêu thăng Thượng giới.

Tưởng lại phần đông trong thiên hạ đã có xem qua cốt chuyện Tây Du, Đường Tam Tạng thỉnh kinh Đông độ, bốn thầy trò cùng đi gãn tới Tây phương, dựa mé sông giang hà để bước lên chiếc Nại Hà kiều rất lắt léo khó đi, các trò đều có phép hóa thân nên qua được, riêng thầy Tam Tạng không biết làm sao qua. Đương lúc quanh quẩn tẩn thối lưỡng nan, bỗng nhiên thấy có một người chèo thuyền rồng đến vừa thấy rõ, lạ một điều là thuyền không đẩy mà nổi phao trên mặt nước. Thấy Tam Tạng lấy làm lạ và ái ngại không hiểu mình bước xuống thuyền có được không.

Bao lần dụ dụ không quyết định được, đến rớt cuộc thầy Tam Tạng buộc lòng để chân xuống thuyền. Vì còn mang xác thân phàm tục nên lúc ban sơ phải chịu nhiều khó khăn chênh nghiêng mất thăng bằng. Tuy vậy, thỉnh thoảng sự bình tĩnh vững vàng trở lại như bao người bên cạnh, thầy Tam Tạng trực nhìn xuống dòng sông nước chảy thấy một xác người chết trôi qua bèn than rằng: *Nơi đây gãn đến nước Phật, sao còn có người chết trôi như thế!*

Tôn Ngộ Không liền đáp rằng: *Ấy là cái xác của thầy đó vậy. Bởi thầy công tu luyện, đến ngày công viên quả măn, nên cõi xác trần thoát kiếp, vì ở trần thế mang xác phàm*

*hữu hình hữu hoại và nhờ đó mà phân biệt phàm Thánh trong khi mình đã đắc đạo.*

**Thuyền rồng không đây kia, Phật giáo gọi là Thuyền Bát Nhã và người chèo Phật danh gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.** Thuyền Bát Nhã có là do một bèn sen (một cánh bông sen) của Đức Phật Tổ nơi Cực Lạc Thế Giới, Đức Phật dùng tinh hoa của Tam Muội Hỏa mà biến thành, ấy là bí pháp của nhà Phật. **Hai chữ Bát Nhã, Phật tông nguyên lý trong kinh gọi là Trí huệ, để mở mang sự sáng suốt cho các bậc chơn tu, cũng ám chỉ là Thuyền Từ đưa người thoát tục.**

Trải qua bao kỷ nguyên, người tu đắc đạo cũng nương lấy Bát Nhã thuyền do nhiệm mầu thiêng liêng mà về nước Phật hay đến cõi Hư Vô tịch diệt. Thuở Hỗn Độn, khi Trời Đất phân ngôi thứ rồi mà chưa có loài người, Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Minh Sư gọi là Lão Mẫu, vâng lệnh Đức Thượng Đế nhóm ngự triều Đại hội nơi Kim Bồn, phòng định 100 ức nguyên nhân xuống trần, dùng Ngọc Lộ Kim Bàn trụ các nguyên nhân cho xuống thế lập đời. Trước khi ấy, **Lão Mẫu tức là Diêu Trì Kim Mẫu, kêu toàn cả linh căn chơn tánh dự Hội Yến Bàn Đào, ban cho mỗi vị một cái túi gọi là Vạn Bửu Nang, trong đó có 8 món báu là: HIẾU, ĐỂ, TRUNG, TÍN, LỄ, NGHĨA, LIÊM, SĨ; và căn dặn khi xuống trần thế, rủi mất một món là về cùng Mẹ không đặng.**

Lão Mẫu dùng Bát Nhã thuyền chở toàn linh căn và 8 món báu ấy đưa xuống lập đời. Có bài kệ rằng:

*Linh căn ngày đó xuống trần ai,  
Cái cái vui mừng nhập mẫu thai.  
Vì mất Bửu nang mê nghiệp hải,*

*Làm sao tỉnh đặng trở hồi lai.*

Bên kia có Đại Tiên hiệu là Cù Tán Đờm hay là Kim Quang Sứ, thấy Phật Mẫu cho chơn linh xuống trần thì ông cũng xuống trần có dẫn theo 5 chơn linh quý vị biến thành:

- **Kim là tiền bạc.**
- **Mộc là sắc đẹp.**
- **Thủy là rượu ngọt.**
- **Hỏa là nóng giận.**
- **Thổ là nha phiến.**

Mỗi chơn linh quý vị đều biến ra 5 mùi vị khác nhau cho các nguyên căn say mê mà quên cả các Bửu Nang. Con người lớn lên thấy tiền thì ham, thấy sắc lịch thì mê, thấy rượu ngọt thì ưa, mà nó giục cho con người nóng giận và say mê nha phiến, chước quỷ mưu tà, hằng xúi giục bày ra muôn ngàn sự khoái lạc nơi trần khổ chẳng xiết, nên chất linh căn vì lưu luyến hồng trần, vui say mùi vị thế gian mà quên nguồn cội. Bởi thế cho nên Thánh nhân ra đời lập Tam giáo đạo cũng qui tụ căn bản trong 8 món báu để tỉnh giác:

Phật giáo dạy: **phải trọn Tam qui Ngũ giới.**

Tiên giáo dạy: **phải vẹn Tam Bửu Ngũ hành.**

Thánh giáo dạy: **phải gìn Tam cương Ngũ thường.**

Để thức tỉnh các linh căn nhớ nguồn cội 8 món báu ấy mà về, ai được may duyên sớm ngộ đạo, mới lên Bát Nhã thuyền mà trở về cự vị, đúng như bài thi của Đức Chí Tôn đã dạy rằng:

*Khuôn thuyền Bát Nhã chẳng hề chìm,*

*Nổi quá như bông, nặng quá kim.  
Có Đạo trong muôn ngôi cũng đủ,  
Không duyên một đũa cũng là chìm.*

• **Thời Kỳ Thánh Đức:**

Sơ khai Long Hoa Đại Hội, Đức Di Lạc, kiếp Tiên vị mệnh danh là Hoàng Cực Chủ Nhân. Lãnh lĩnh Lão Mẫu tức là Diêu Trì Kim Mẫu hay là Thiên Hậu buổi nọ, Ngài làm chủ Thuyền Bát Nhã chở các nguyên nhân xuống thế, lần đầu 24 chuyến thuyền, hai lần sau mỗi lần 6 chuyến, đúng như quyển kinh thứ nhứt và thứ nhì Ngọc Lộ Kim Bàn.

Ngươn Thánh đức gọi là: Nhứt Kỳ Phổ Độ:

1. Giáo chủ đạo Phật: Nhiên Đăng Cổ Phật.
2. Giáo chủ đạo Tiên: Thái Thượng Đạo Quân.
3. Giáo chủ Đạo Thánh: Văn Tuyên Đế Quân.

Các vị Giáo chủ đã sáng khai nền đạo, lập thành qui điều, luật pháp, an ninh trật tự cho nhơn loại tiến bước trên đường tu tỉnh. Đức Chí Tôn Ngài mới dạy: Khai Long Hoa Đại Hội Nhứt Kỳ nên có câu: Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội Nhiên Đăng Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn. Đức Nhiên Đăng làm chủ hội, điểm đạo chỉ có 6 ức nguyên nhân đắc đạo.

• **Nhị Kỳ Phổ Độ:**

Thời kỳ văn minh tiến hóa từ ấy mới nổi danh trong Tam giáo:

1. Phật thì có Đức Thích Ca làm Giáo chủ.
2. Tiên thì có Đức Lão Tử làm Giáo chủ.

3. Thánh thì có Đức Khổng Tử làm Giáo chủ.

Sau 551 năm, Ngài cho Đức Chúa Jêsus Christ giảng sanh, cũng thời Nhị Kỳ.

Sau khi thành lập luật pháp qui điều, Ngài mới khai Long Hoa Nhị Kỳ Phổ Độ, có câu: Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội Di-Đà Cổ Phật Chưởng Giáo Thiên Tôn.

Đức Di-Đà làm chủ hội, điểm đạo được 2 ức nguyên nhân đoạt pháp, phần nhiều là môn đồ của Lão Tử đắc đạo, còn 92 ức nguyên nhân lương chịu đọa trần.

• **Tam Kỳ Phổ Độ:**

Đến thời kỳ Hạ nguơn mặt kiếp, tức là thời kỳ qui cổ, chính mình Đức Chí Tôn giảng trần, dùng huyền diệu cơ bút, để Tam Trấn Oai Nghiêm thay cho Tam giáo lập Đạo vô vi, không hình thể như trước, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

1. **Đức Phật Quan Âm** chưởng quản về Phật giáo.
2. **Đức Lý Thái Bạch Tiên Trưởng** chưởng quản Tiên giáo.
3. **Đức Quan Thánh Đế Quân** chưởng quản Thánh giáo, gọi là Nho Tông Chuyển Thế.

Nhơn thời Hạ nguơn này, do cơ bút mà biết được nguyên nhân đắc đạo trong hai kỳ trước. Những nguyên nhân đắc đạo đến tình nguyện nơi Ngọc Hư Cung giảng trần, chịu mạng lệnh nơi Đức Di-Lạc Vương Phật, lo cứu rỗi 92 ức nguyên nhân còn say đắm nơi trần.

Bây giờ nhắc lại **Thể pháp cuộc Chèo Thuyền Bát Nhã, phận sự của nhân viên trong thuyền có: Tổng Lái,**



**Tổng Múi, Tổng Thương, Tổng Khậu và 12 Bá Trạo.**

– **TỔNG LÁI:** là chơn linh Hắc Sát Tinh ở Thượng giới theo Thể pháp, còn Bí pháp là chơn khí của **Hộ Pháp**. Tổng Lái tượng trưng **BÁT QUÁI ĐÀI**.

– **TỔNG THƯƠNG:** là chơn linh Huỳnh Long Tinh ở Thượng giới theo Thể pháp, còn Bí pháp là chơn khí của **Thượng Sanh**. Tổng Thương tượng trưng cho **CỬU TRÙNG ĐÀI**.

– **TỔNG MŨI:** là chơn linh của Bạch Hổ Tinh ở Thượng giới theo Thể pháp, còn Bí pháp là chơn khí của **Thượng Phẩm**. Tổng Múi tượng trưng cho **HIỆP THIÊN ĐÀI**.

– **Tổng Khậu: tượng trưng nhưn sanh**, tức là chơn hồn của chúng ta, thấy tánh tình của Tổng Khậu vô chừng, vui buồn chẳng định, và chẳng trong thời biến chuyển loạn lạc, phải chịu dưới phép sai khiến của lục đục thất tình, vì danh lợi tự đem mình đến chỗ trụy lạc, vì vật chất xa hoa quyến rũ.

– Mười hai Bá Trạo: Con số 12 là bí pháp, số riêng của Đức Chí Tôn. Ngài nắm Thập nhị Khai Thiên nơi tay, tức là Thập nhị Thời Thần nơi Bạch Ngọc Kinh. Còn Thể pháp là Thập nhị Thời Quân Hiệp Thiên Đài mà chúng ta đã biết trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Vậy **12 Bá Trạo tượng trưng Thập nhị Địa Chi:** Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, mà biến tướng Càn Khôn thế giới, làm cho rộng lớn thêm lên vũ trụ bao la.

Những vị vừa kể trên, vừa chèo vừa hát rập ràng, theo chơn truyền của đạo là Thể pháp. **Thể pháp có hành thì**

**Bí pháp mới tựu.** Ấy là “*dĩ huyền độ chơn*”.

Thế pháp và Bí pháp lúc nào cũng phải đi đôi, cũng như người có xác và hồn phải tương liên, bằng chẳng vậy, có xác không hồn là điên, có hồn không xác là vị đó vậy.

Đức Chí Tôn là chúa tể Càn Khôn Vũ Trụ, hoá sanh vạn vật, cầm quyền thiêng liêng cũng như hữu hình, với lòng Đại từ Đại bi, chẳng nở ngôi nhìn con cái của Ngài phải chịu trầm luân khổ hải, nên Ngài dùng Bí pháp định cho Tam vị Thần xuống thế tượng trưng Thế pháp là: Tổng Lái, Tổng Mũi, Tổng Thương, lái vững khuôn thuyền Bát Nhã để độ dẫn các chơn linh nguyên nhân, hóa nhân, quỉ nhân, và các chơn hồn tức là trong chúng sanh, dầu xiêu lạc nơi nào cũng tìm rước về hội ngộ cùng Thầy.

Trong thời kỳ Hạ ngưng Tam Chuyển bước qua Thượng ngưng Tứ Chuyển, là Đại Ân Xá Kỳ Ba, chính mình Đức Chí Tôn là Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút mở Đạo Cao Đài tại nước Việt Nam, qui Tam Giáo hiệp Ngũ Chi, tạo đời Thánh Đức, dụng Nho Tông Chuyển Thế với chủ nghĩa tận độ chúng sanh trên quả Địa cầu 68 này qui hồi cựu vị, chẳng phân biệt giống nòi hay chủng tộc.

#### KẾT LUẬN:

Trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, dùng Thuyền Bát Nhã với Bí pháp huyền vi mẫu nhiệm thiêng liêng, vì **Đức Di-Lạc Vương Phật Chương Giáo Thiên Tôn, Đức Ngài làm chủ Thuyền Bát Nhã, rước các bậc nguyên nhân từ Thất thập nhị Địa trở về.**

Đức Phật ngự trên thuyền, kêu gọi toàn linh căn chơn tánh của cửu nhị ức nguyên nhân hãy mau tỉnh ngộ

về cửa nầy, nương nơi Thuyền Bát Nhã trở về Lôi Âm Tự và Bạch Ngọc Kinh mà hội ngộ cùng Thầy. Còn về Thể pháp, Đức Hộ Pháp vâng lệnh Đức Điều Trì Kim Mẫu, thọ mạng cùng Đức Chí Tôn tạo Thuyền Bát Nhã nơi mặt thể nầy là tượng trưng Thể pháp, độ dẫn Bát hôn: từ Vật chất hôn, Thảo mộc hôn, Thú cầm hôn, Nhơn hôn, Thần hôn, Thánh hôn, Tiên hôn và Phật hôn, do Kim Bàn Phật Mẫu vận chuyển hóa ra Bát đẳng cấp chơn hôn, đúng như Kinh Phật Mẫu dạy:

*Trung khổ hải độ thuyền Bát Nhã,  
Phước Từ Bi giải quả trừ căn.  
Hườn hôn chuyển đọa vi thăng,  
Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn chuông Âm.*

Theo nghĩa bốn câu kinh trên là:

Thuyền Bát Nhã tượng trưng nơi mặt thể nầy để rước xác tục đưa qua khỏi bến Sông Mê, Bể Khổ trần ai, hườn hôn phục sanh, siêu thăng nơi miền Thánh Đức.

**Tòa Thánh**, ngày 13 tháng 10 năm Ất Hợi.

(le 12 Novembre 1935)

**KHAI PHÁP** Hiệp Thiên Đài

(Ấn ký)

**Trần Duy Nghĩa**

---

.....

**Tiền Kiếp THÁNH PETER**  
**Hậu Kiếp KHAI PHÁP TRẦN DUY NGHĨA**

.....

**TỪNG THIÊN—TỪ BẠCH HẠC**